

# BÁO CÁO

THỰC TIỄN GIẢI QUYẾT YÊU CẦU HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI  
TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (2024 – 2025)

*Tác giả:* **LUẬT SƯ TRẦN DUY CÀNH** - Trọng tài viên VIAC  
**NGUYỄN NHẬT THANH UYÊN**  
**TRẦN MỸ ANH**  
**TRẦN KHÁNH TRUNG DŨNG**

Tháng 01 - 2026



## LỜI NÓI ĐẦU

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, trọng tài thương mại đã trở thành một cơ chế giải quyết tranh chấp hiệu quả, linh hoạt và được ưa chuộng tại Việt Nam. Tuy nhiên, việc hủy phán quyết trọng tài (“PQTT”) – một biện pháp giám sát tư pháp nhằm đảm bảo tính công bằng và tuân thủ pháp luật – vẫn là vấn đề phức tạp ở nhiều khía cạnh khác nhau, đòi hỏi sự phân tích sâu sắc về thực tiễn áp dụng.

Báo cáo này được Dentons Luật Việt biên soạn nhằm cung cấp cái nhìn toàn diện về thực tiễn giải quyết yêu cầu hủy PQTT tại Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh (“TAND TP.HCM”) trong giai đoạn 2024-2025. Lý do chúng tôi thực hiện Báo cáo này xuất phát từ nhu cầu cấp thiết của cộng đồng doanh nghiệp và pháp lý. Trong những năm gần đây, số lượng tranh chấp thương mại được giải quyết bằng trọng tài tăng cao, dẫn đến việc các phán quyết trọng tài ngày càng bị thách thức tại tòa án. Việc hủy hay giữ nguyên PQTT không chỉ ảnh hưởng đến hiệu lực của ngành trọng tài mà còn liên quan đến niềm tin của nhà đầu tư trong và ngoài nước vào hệ thống pháp luật Việt Nam. Báo cáo nhằm phân tích các trường hợp thực tế, đánh giá cơ sở pháp lý, thủ tục và xu hướng xét xử, từ đó đề xuất các khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết, giảm thiểu rủi ro và thúc đẩy môi trường kinh doanh lành mạnh. Thông qua đó, chúng tôi hy vọng góp phần vào việc hoàn thiện khung pháp lý về trọng tài, đặc biệt trong bối cảnh Luật Trọng tài Thương mại 2010 (“LTTTM”) đang được quan tâm xem xét sửa đổi.

Sở dĩ chúng tôi tập trung nghiên cứu các Quyết định được ban hành bởi TAND TP.HCM vì TP. Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước, nơi tập trung đông đảo doanh nghiệp trong nước và quốc tế, có trụ sở của nhiều trung tâm trọng tài lớn nhất nước nên tranh chấp thương mại được đánh giá là điển hình về số lượng và mức độ phức tạp. Cơ quan tòa án này xử lý một tỷ lệ lớn các yêu cầu hủy PQTT trên toàn quốc, phản ánh rõ nét thực tiễn áp dụng pháp luật tại cấp địa phương.

Ngoài ra, theo Nghị quyết số 222/2025/QH15 ngày 27/06/2025 của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh được xác định là nơi đặt Trung tâm tài chính quốc tế do Chính phủ thành lập, cùng với TP. Đà Nẵng. Trong đó, sẽ có sự hiện diện của một tổ chức trọng tài chuyên biệt, cụ thể là Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế. Điều này cho thấy TP. Hồ Chí Minh trong thời gian tới sẽ trở thành địa bàn trọng điểm của hoạt động trọng tài, đặc biệt là trọng tài quốc tế và các tranh chấp thương mại, đầu tư có yếu tố nước ngoài.

Giai đoạn 2024 – 2025 được lựa chọn để nghiên cứu nhằm nắm bắt các diễn biến mới nhất, bao gồm tác động của các quy định pháp lý cập nhật, ảnh hưởng từ đại dịch hậu COVID-19 và các thỏa thuận thương mại tự do như CPTPP, EVFTA. Đây là khoảng thời gian chứng kiến sự gia tăng đáng kể các vụ việc liên quan đến hợp đồng quốc tế, đầu tư nước ngoài và tranh chấp phức tạp, cung cấp dữ liệu phong phú để phân tích xu hướng tương lai.

Báo cáo dựa trên dữ liệu từ các vụ việc công khai, có góp ý của chuyên gia, luật sư, trọng tài viên, thẩm phán với các phân tích pháp lý chuyên sâu, nhằm mang lại giá trị thực tiễn cho luật sư, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước. Chúng tôi tin rằng, qua Báo cáo này, các bên sẽ có thêm thông tin để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, thúc đẩy công lý trong lĩnh vực trọng tài.

Đây là tài liệu nghiên cứu đầu tiên của một công ty luật xuất hiện trên thị trường, bàn về một vấn đề khá gai góc, nhạy cảm, vừa mang tính thực tiễn, lẫn học thuật nên không thể tránh khỏi sai sót. Do vậy, chúng tôi mong mọi người quan tâm và góp ý để các ấn phẩm tương tự khác trong tương lai có chất lượng hơn.

Trân trọng,

**Luật sư Trần Duy Cảnh,**

*Giám đốc Dentons Luật Việt, Trọng tài viên VIAC*

*"Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn các luật sư, trọng tài viên,  
thẩm phán, chuyên viên tại các trung tâm trọng tài  
đã góp ý, cung cấp tài liệu để Báo cáo này trở nên  
có chất lượng, hữu ích hơn"*

## MỤC LỤC

|                                                                                                                                                                                                    |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>PHẦN 1. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI BÁO CÁO .....</b>                                                                                                                                                   | <b>1</b>  |
| 1. Mục tiêu .....                                                                                                                                                                                  | 2         |
| 2. Phạm vi dữ liệu.....                                                                                                                                                                            | 2         |
| <b>PHẦN 2. CĂN CỨ HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT .....</b>                                                                                                                   | <b>3</b>  |
| 1. Khung pháp lý điều chỉnh việc hủy phán quyết trọng tài.....                                                                                                                                     | 4         |
| 2. Xu hướng áp dụng các quy định liên quan đến hủy phán quyết trọng tài hiện nay.....                                                                                                              | 5         |
| 2.1. Về căn cứ hủy phán quyết trọng tài do “phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” .....                                                                      | 5         |
| 2.2. Về căn cứ hủy phán quyết trọng tài do “tranh chấp không thuộc thẩm quyền giải quyết của trọng tài hoặc không có thỏa thuận trọng tài hợp lệ” .....                                            | 7         |
| <b>PHẦN 3. THỰC TIỄN XÉT ĐƠN YÊU CẦU VỀ VIỆC HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH .....</b>                                                                                | <b>8</b>  |
| 1. Bức tranh số liệu giai đoạn 2024 – 2025.....                                                                                                                                                    | 9         |
| 2. Căn cứ và lập luận của Tòa án khi xem xét yêu cầu hủy phán quyết trọng tài .....                                                                                                                | 10        |
| 2.1. Đối với các quyết định tuyên hủy phán quyết trọng tài .....                                                                                                                                   | 10        |
| 2.2. Đối với các quyết định không hủy phán quyết trọng tài .....                                                                                                                                   | 18        |
| 2.3. Đánh giá chung .....                                                                                                                                                                          | 28        |
| <b>PHẦN 4. PHÂN TÍCH VÀ ĐỐI CHIẾU CÁC CĂN CỨ HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI QUA THỰC TIỄN XÉT XỬ .....</b>                                                                                               | <b>29</b> |
| 1. Các nhóm vấn đề thường được viện dẫn làm căn cứ hủy .....                                                                                                                                       | 30        |
| 2. Các trường hợp có cùng căn cứ nhưng kết quả xét xử khác nhau .....                                                                                                                              | 30        |
| 2.1. Căn cứ “không có thỏa thuận trọng tài” .....                                                                                                                                                  | 30        |
| 2.2. Căn cứ “phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” .....                                                                                                     | 33        |
| 2.3. Căn cứ “phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”, cụ thể “vi phạm nguyên tắc bình đẳng, khách quan và vô tư trong việc đánh giá và sử dụng chứng cứ” ..... | 37        |
| <b>PHẦN 5. KIẾN NGHỊ .....</b>                                                                                                                                                                     | <b>41</b> |
| <b>PHẦN 6. PHỤ LỤC .....</b>                                                                                                                                                                       | <b>44</b> |
| PHỤ LỤC 1. DANH SÁCH CÁC QUYẾT ĐỊNH XEM XÉT YÊU CẦU HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI .....                                                                                                                 | 45        |
| PHỤ LỤC 2. THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CÁC QUYẾT ĐỊNH CHẤP NHẬN HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI.....                                                                                                                | 48        |
| PHỤ LỤC 3. THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CÁC QUYẾT ĐỊNH KHÔNG CHẤP NHẬN HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI.....                                                                                                          | 49        |
| <b>PHẦN 7. VỀ CHÚNG TÔI.....</b>                                                                                                                                                                   | <b>50</b> |



## PHẦN 1.

# MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI BÁO CÁO



## 1. Mục tiêu

Báo cáo này được thực hiện bởi Dentons Luật Việt với mục tiêu tổng hợp và phân tích thực tiễn xét xử của TAND TP.HCM liên quan đến việc giải quyết yêu cầu hủy PQT trong giai đoạn 2024 – 2025. Dựa trên các Quyết định đã được công bố, thu thập được trong quá trình hành nghề hoặc nghiên cứu, Báo cáo tập trung làm rõ cách thức Tòa án áp dụng các quy định của pháp luật về trọng tài thương mại khi xem xét yêu cầu hủy PQT; đồng thời đánh giá xu hướng xét xử, mức độ nhất quán trong lập luận và căn cứ pháp lý giữa các vụ việc, qua đó đưa ra các nhận định khách quan về thực tiễn xét xử của Tòa án đối với PQT trong thời gian gần đây.

Bên cạnh việc phản ánh thực tiễn xét xử, Báo cáo cũng đi sâu phân tích các vấn đề pháp lý phát sinh và những bất cập trong quan điểm, cách hiểu và phương pháp áp dụng các căn cứ hủy PQT theo quy định pháp luật. Từ đó, Báo cáo chỉ ra những điểm còn thiếu thống nhất, vướng mắc hoặc tạo ra tranh luận trong thực tiễn hiện nay.

Với định hướng cung cấp góc nhìn toàn diện, có hệ thống và mang tính phân tích chuyên sâu, Báo cáo được xây dựng hướng đến các đối tượng độc giả như luật sư, trọng tài viên, doanh nghiệp, thẩm phán và giới nghiên cứu pháp lý. Đồng thời, Báo cáo kỳ vọng trở thành nguồn tư liệu tham khảo hữu ích, góp phần hoàn thiện hơn nữa trong quá trình xây dựng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật trong lĩnh vực trọng tài thương mại tại Việt Nam.

## 2. Phạm vi dữ liệu

Phạm vi dữ liệu của Báo cáo này phần lớn được thu thập từ Trang thông tin điện tử công bố bản án, quyết định của Tòa án – Tòa án nhân dân tối cao ([congbobanan.toaan.gov.vn](http://congbobanan.toaan.gov.vn)). Trong giai đoạn 2024 – 2025, có tổng cộng 39 quyết định được đăng tải, gồm 13 quyết định năm 2024 và 26 quyết định năm 2025. Bên cạnh đó, nguồn dữ liệu dùng cho Báo cáo này cũng được chúng tôi thu thập trong quá trình hành nghề luật sư của mình. Dĩ nhiên, các tài liệu này đã được mã hóa nhằm bảo mật thông tin trong Báo cáo. Tổng cộng có 43 quyết định được đưa vào dữ liệu nghiên cứu của Báo cáo.

Do đó, Dentons Luật Việt xin lưu ý rằng số liệu này không phản ánh đầy đủ số lượng vụ việc thực tế được TAND TP.HCM giải quyết trong hai năm, do có thể còn nhiều Quyết định chưa được đăng tải hoặc đang trong quy trình rà soát, kiểm duyệt trước khi công bố. Ngoài ra, trong một số trường hợp thuộc khoản 5 Điều 71 LTTT, việc xem xét đơn yêu cầu hủy PQT bị đình chỉ, dẫn đến vụ việc không được giải quyết bằng một quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu hủy, và do đó không xuất hiện trong dữ liệu công bố.

Báo cáo sử dụng các văn bản pháp luật chính như: Luật Trọng tài thương mại năm 2010; Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài thương mại (“**Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP**”); Bộ luật dân sự năm 2015 (“**BLDS 2015**”); Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung vào các năm 2019, 2020, 2022, 2023, 2024, 2025 (“**BLTTDS**”); Luật Thương mại năm 2005, được sửa đổi bổ sung vào các năm 2017, 2019, 2025 (“**LTM**”) và các văn bản khác có liên quan.



## PHẦN 2.

# CĂN CỨ HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT



## 1. Khung pháp lý điều chỉnh việc hủy phán quyết trọng tài

Trọng tài thương mại là một phương thức giải quyết tranh chấp ngoài hệ thống tòa án, được thiết lập dựa trên sự tự nguyện và thỏa thuận của các bên. Đặc trưng nổi bật của cơ chế này là tính chung thẩm của PQTT, theo đó phán quyết có hiệu lực ngay kể từ ngày được ban hành và không bị khiếu nại. Tuy nhiên, để bảo đảm việc phán quyết được ban hành đúng trình tự, thủ tục pháp luật và không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên, pháp luật Việt Nam cũng như nhiều nước trên thế giới đã thiết lập cơ chế kiểm soát đặc biệt thông qua việc tòa án xem xét yêu cầu hủy PQTT.

Sự tham gia của tòa án trong trường hợp này không nhằm xem xét lại bản chất hay nội dung của tranh chấp, mà chỉ giới hạn ở việc kiểm tra và bảo đảm tính hợp pháp của quy trình tổ tụng trọng tài và liên quan đến các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Chế định hủy PQTT được quy định từ Điều 68 đến Điều 72 trong LTTTM và Điều 14, 15 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP, trong đó quy định cụ thể về căn cứ, trình tự, thủ tục yêu cầu và xem xét hủy PQTT.

Theo quy định nói trên, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được PQTT, nếu một bên có đủ căn cứ chứng minh rằng Hội đồng trọng tài (“HĐTT”) đã ban hành phán quyết thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 68 LTTTM, thì bên đó có quyền gửi đơn đến tòa án có thẩm quyền để yêu cầu hủy PQTT. Cơ chế này góp phần duy trì sự cân bằng giữa quyền tự định đoạt của các bên và vai trò giám sát của tòa án, bảo đảm rằng PQTT được thực thi trên cơ sở hợp pháp, minh bạch và công bằng.

Điều 68 LTTTM xác định năm nhóm căn cứ mà tòa án có thể xem xét để hủy PQTT, bao gồm:

- (i) Không có thỏa thuận trọng tài hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu;
- (ii) Thành phần HĐTT, thủ tục tổ tụng trọng tài không phù hợp với thỏa thuận của các bên hoặc trái với các quy định của Luật này;
- (iii) Vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của HĐTT; trường hợp PQTT có nội dung không thuộc thẩm quyền của HĐTT thì nội dung đó bị hủy;
- (iv) Chứng cứ do các bên cung cấp mà HĐTT căn cứ vào đó để ra phán quyết là giả mạo; Trọng tài viên nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của một bên tranh chấp làm ảnh hưởng đến tính khách quan, công bằng của PQTT;
- (v) PQTT trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Mới đây, Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được ban hành nhằm xác định lại thẩm quyền của tòa án đối với yêu cầu hủy PQTT trong bối cảnh thay đổi địa giới hành chính và cơ cấu tổ chức hệ thống tòa án.

Trước đây, mọi tòa án nhân dân cấp tỉnh đều có thẩm quyền giải quyết khiếu nại hủy PQTT. Nay theo Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, thẩm quyền giải quyết yêu cầu hủy PQTT vẫn thuộc về tòa án nhân dân cấp tỉnh, nhưng được Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định cụ thể theo từng khu vực. Hiện tại 03 tòa án nhân dân cấp tỉnh được giao thẩm quyền giải quyết yêu cầu hủy PQTT, gồm:

- (i) Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- (ii) Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng; và
- (iii) Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh.



Trong quá trình xây dựng Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15, Tổng Thư ký Quốc hội – Quốc hội khóa XV đã tổ chức việc lấy ý kiến về phân định thẩm quyền hủy PQT. Theo kết quả lấy ý kiến, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định ba tòa án nhân dân cấp tỉnh nêu trên có thẩm quyền hủy PQT. Việc phân định thẩm quyền theo hướng tập trung chuyên môn tại ba tòa án thuộc ba vùng trọng tâm phát triển kinh tế của đất nước được đánh giá là bước cải tiến quan trọng, góp phần đảm bảo sự thống nhất trong áp dụng pháp luật, hạn chế tình trạng không đồng đều trong hướng xét xử giữa các địa phương. Mặt khác, theo Báo cáo của Tòa án nhân dân tối cao thì số lượng vụ việc yêu cầu hủy PQT mà các tòa án các tỉnh khác phải giải quyết hàng năm không nhiều và chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn.

Đồng thời, với tính chất chuyên môn hóa cao như vậy, mỗi tòa án của từng khu vực sẽ có nhiều điều kiện xây dựng và phát triển đội ngũ thẩm phán có năng lực, kinh nghiệm và chuyên sâu trong việc giải quyết các vụ việc liên quan đến trọng tài thương mại.

## 2. Xu hướng áp dụng các quy định liên quan đến hủy phán quyết trọng tài hiện nay

Trong những năm gần đây, tòa án vẫn duy trì quan điểm nhất quán là chỉ xem xét tính hợp pháp của thủ tục tố tụng trọng tài, mà không xét lại nội dung phán quyết – phù hợp với nguyên tắc chung thẩm của trọng tài thương mại. Thực tiễn giải quyết yêu cầu hủy PQT cho thấy tòa án trên cả nước dựa trên các trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 68 LTTTM cùng các hướng dẫn tại Điều 14 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để làm rõ phạm vi và điều kiện hủy PQT. Trong đó, hai nhóm căn cứ được viện dẫn phổ biến nhất bao gồm:

- (i) PQT trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam (điểm d khoản 2 Điều 68 LTTTM); và
- (ii) Tranh chấp không thuộc thẩm quyền giải quyết của trọng tài hoặc không có thỏa thuận trọng tài hợp lệ (điểm a, điểm c khoản 2 Điều 68 LTTTM).

Ngoài hai nhóm căn cứ nêu trên, các lý do khác như vi phạm thủ tục tố tụng trọng tài, thành phần HĐTT không phù hợp, hoặc HĐTT xét xử vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện cũng được các bên viện dẫn nhưng với tần suất thấp hơn. Các căn cứ này chủ yếu xuất phát từ sai sót về hình thức hoặc thủ tục, chẳng hạn như việc triệu tập các đương sự không đúng quy định, quy trình chỉ định và thành lập HĐTT chưa bảo đảm hoặc các vi phạm thủ tục tương tự.

### 2.1. Về căn cứ hủy phán quyết trọng tài do “phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”

Đây là căn cứ được áp dụng nhiều nhất và cũng gây nhiều tranh luận nhất trong thực tiễn. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP, “phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” được hiểu là phán quyết vi phạm các nguyên tắc xử sự cơ bản có hiệu lực bao trùm đối với việc xây dựng và thực hiện pháp luật Việt Nam.

Những vi phạm về nguyên tắc cơ bản thường được xem xét trên cơ sở các nguyên tắc được quy định tại Điều 3 BLDS 2015. Chẳng hạn, nguyên tắc tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận có nghĩa rằng quyền và nghĩa vụ dân sự của các bên được pháp luật tôn trọng và bảo đảm, miễn là cam kết, thỏa thuận đó không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Cũng với quy tắc này, khi xét xử và đưa ra nhận định trong một vụ tranh chấp, HĐTT phải căn cứ vào thỏa thuận của các bên. Trường hợp HĐTT giải thích khác đi hoặc đưa ra quyết định trái với thỏa thuận ban đầu của các bên thì hành vi đó có thể bị xem là vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Bên cạnh đó, nếu PQT gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp

của bên thứ ba – người không được tham gia trình bày ý kiến trong quá trình tố tụng trọng tài – thì cũng có thể bị coi là trái với các nguyên tắc cơ bản được quy định tại khoản 4 Điều 3 BLDS 2015, theo đó: *“Việc xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự không được xâm phạm đến lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác”*.

Tương tự, trong hoạt động thương mại, các bên có quyền tự do thỏa thuận nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ, miễn là thỏa thuận đó không vi phạm điều cấm của luật, hoặc trái đạo đức xã hội. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do thỏa thuận này. Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử, khái niệm “trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” lại được tòa án diễn giải khá rộng, đôi khi bao gồm cả những vấn đề thuộc đánh giá chứng cứ, hoặc thậm chí xem xét lại pháp luật nội dung – là những vấn đề vốn thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết của HĐTT mà không phải của tòa án khi xem xét khiếu nại PQT. Việc mở rộng phạm vi diễn giải “nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” dẫn đến nguy cơ tòa án xem xét lại nội dung vụ tranh chấp mà Hội đồng Trọng tài đã giải quyết, và đây là vấn đề LTTTM không cho phép tòa án thực hiện (được hướng dẫn cụ thể tại Điều 15 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP).

Những vi phạm cụ thể liên quan đến “trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” xuất phát từ các tình huống như:

- Trọng tài không tôn trọng thỏa thuận của các bên về phương thức thông báo, địa điểm giải quyết hoặc trình tự chứng minh;
- Trọng tài đánh giá chứng cứ một cách chủ quan hoặc bỏ qua tài liệu quan trọng, dẫn đến kết luận bị coi là vi phạm nguyên tắc bình đẳng và thiện chí;
- Trọng tài áp dụng sai hoặc vượt ra ngoài phạm vi quy định của pháp luật bắt buộc, chẳng hạn như xác định sai mức phạt, lãi suất, hoặc quyền của bên thứ ba.

Nhìn chung, việc xác định “trái với các nguyên tắc cơ bản” và diễn giải mở rộng nội hàm của vấn đề này (để làm căn cứ hủy Phán quyết) khiến ranh giới giữa “kiểm tra tính hợp pháp của thủ tục” và “xét lại nội dung vụ việc” trở nên không rõ ràng. Mặc dù LTTTM quy định tòa án không có quyền xem xét lại nội dung vụ tranh chấp (khoản 4 Điều 71 LTTTM), nhưng trên thực tế, nhiều tòa án vẫn xem xét lại tính logic của lập luận hoặc đánh giá lại chứng cứ để xác định có “trái với nguyên tắc cơ bản” hay không.

Về căn cứ hủy phán quyết nếu “trái với nguyên tắc cơ bản”, Nghị quyết số 01/2014 xác định PQT chỉ có thể bị hủy theo điểm đ khoản 2 Điều 68 LTTTM khi *“phán quyết trọng tài có nội dung trái với một hoặc nhiều nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam và xâm phạm nghiêm trọng lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của một bên hoặc các bên, người thứ ba”*. Theo tinh thần này, khi xem xét, tòa án phải cân nhắc hai yếu tố: (i) nguyên tắc bị vi phạm có phải là nguyên tắc cơ bản, có hiệu lực bao trùm trong hệ thống pháp luật Việt Nam hay không; và (ii) mức độ vi phạm có thật sự “nghiêm trọng”, gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của các bên hoặc lợi ích của Nhà nước hay không. Do đó, không phải mọi sai sót trong PQT đều dẫn đến việc hủy. Chỉ khi đồng thời thỏa mãn hai điều kiện nêu trên thì tòa án mới có thể can thiệp. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy một số tòa án vẫn chưa thống nhất trong việc áp dụng hướng dẫn này, có xu hướng mở rộng cách giải thích về phạm vi của “nguyên tắc cơ bản”, từ đó làm gia tăng tỷ lệ PQT bị hủy so với tinh thần hạn chế can thiệp mà Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP đặt ra.

Điều này phản ánh xu hướng tăng cường chức năng giám sát của tòa án đối với hoạt động trọng tài thương mại, bảo đảm các phán quyết công bằng và tính hợp pháp của quá trình giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, nếu áp dụng quá rộng, cơ chế hủy PQT có nguy cơ làm suy giảm tính chung



thẩm và độc lập của trọng tài thương mại, vốn là một trong những ưu điểm cốt lõi của phương thức giải quyết tranh chấp này.

## 2.2. Về căn cứ hủy phán quyết trọng tài do “tranh chấp không thuộc thẩm quyền giải quyết của trọng tài hoặc không có thỏa thuận trọng tài hợp lệ”

Nhóm căn cứ này chiếm tỷ lệ nhỏ nhưng thông qua nội dung nhận định trong các Quyết định của Tòa án, thể hiện cách tiếp cận thận trọng của tòa án đối với tính hợp lệ của thỏa thuận trọng tài. Trong nhiều vụ việc, tòa án xác định rằng thỏa thuận trọng tài vô hiệu vì:

- Thỏa thuận được ký bởi người không có thẩm quyền đại diện;
- Điều khoản trọng tài không thể thực hiện (ví dụ, chỉ ghi “hai bên sẽ đưa ra trọng tài kinh tế”, nhưng hiện nay chế định trọng tài kinh tế Nhà nước đã giải thể, không còn tồn tại nữa);
- Thỏa thuận trọng tài bị vô hiệu do một bên bị lừa dối hoặc bị cưỡng ép;
- Hoặc tranh chấp thuộc lĩnh vực không được giải quyết bằng trọng tài như hôn nhân, thừa kế, hay xử lý tài sản công, đất đai.

Một số tòa án cũng mở rộng căn cứ này sang trường hợp “trọng tài vượt quá thẩm quyền”, khi HĐTT xem xét và ra phán quyết đối với các vấn đề ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện hoặc phản tố. Nhìn chung, xu hướng xét xử cho thấy tòa án đặt nặng tính tự nguyện và rõ ràng của thỏa thuận trọng tài. Nếu điều khoản trọng tài được soạn thảo không thể hiện được sự đồng thuận, khả năng bị tuyên vô hiệu và dẫn đến hủy PQTT là rất cao.

Từ thực tiễn trên, có thể nhận định rằng tòa án Việt Nam đang duy trì một mức độ giám sát tương đối chặt chẽ đối với hoạt động trọng tài thương mại. Ở góc độ tích cực, xu hướng này giúp bảo đảm nguyên tắc pháp quyền, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên. Tuy nhiên, nếu việc diễn giải rộng để áp dụng hủy phán quyết thiếu căn cứ và không thuyết phục, đặc biệt là căn cứ “vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” thì việc hủy phán quyết có thể làm giảm tính ổn định và tính hấp dẫn của cơ chế trọng tài. Do đó, để cân bằng giữa quyền kiểm soát hợp pháp của tòa án và tính chung thẩm của trọng tài, cần tiếp tục hoàn thiện hướng dẫn áp dụng pháp luật, đặc biệt làm rõ phạm vi của “nguyên tắc cơ bản” và giới hạn quyền can thiệp của tòa án khi xem xét yêu cầu hủy PQTT.



## PHẦN 3.

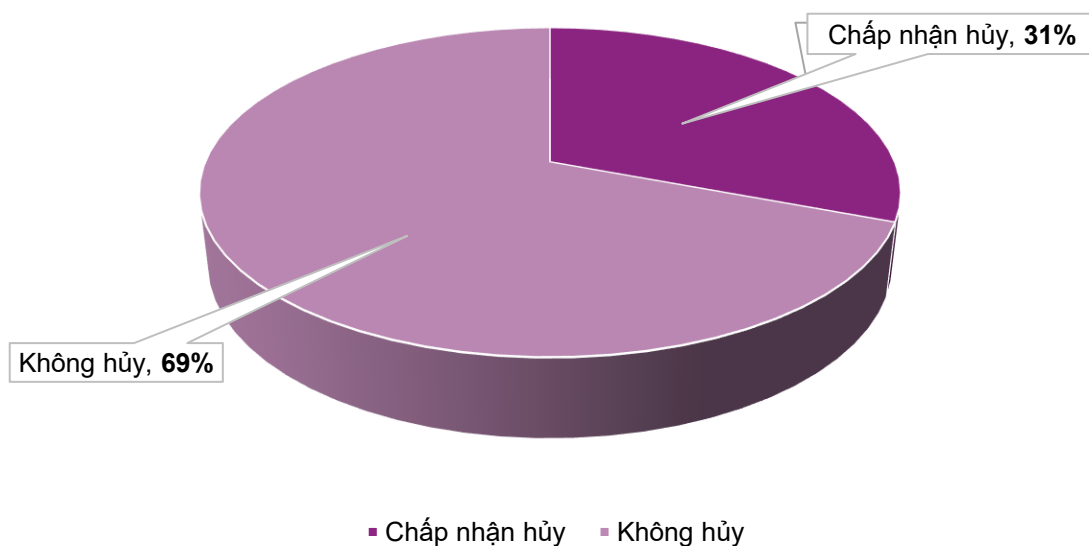
# THỰC TIỄN XÉT ĐƠN YÊU CẦU VỀ VIỆC HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH



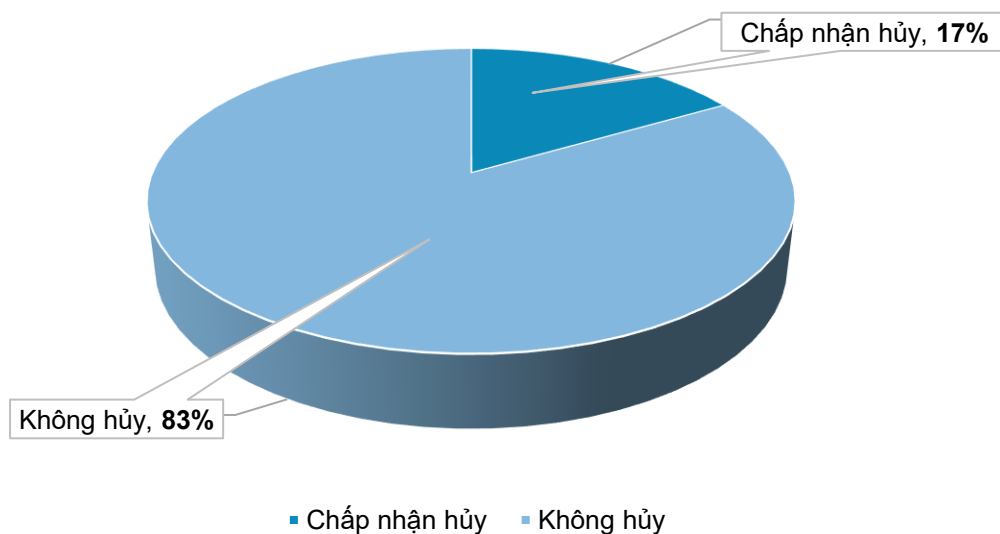
## 1. Bức tranh số liệu giai đoạn 2024 – 2025

Theo thống kê từ trang thông tin điện tử công bố bản án, quyết định của tòa án và các tài liệu mà chúng tôi thu thập được, trong năm 2024, TAND TP.HCM đã ban hành 13 quyết định giải quyết yêu cầu hủy PQT. Trong đó, có 04 quyết định tuyên hủy PQT, còn lại 09 quyết định không chấp nhận yêu cầu hủy. Bước sang năm 2025, Tòa án đã ban hành 30 quyết định, trong đó 05 quyết định tuyên hủy và 25 quyết định không hủy. Các số liệu này được tổng hợp khái quát trong các biểu đồ tròn dưới đây:

**Các quyết định xem xét hủy PQT trong năm 2024**



**Các quyết định xem xét hủy PQT trong năm 2025**



Có thể thấy từ bảng trên rằng, sự chênh lệch giữa hai giai đoạn 2024 và 2025 là đáng kể. Số lượng quyết định xem xét hủy PQT của năm 2025 đã tăng lên gấp đôi so với năm 2024. Tuy nhiên, tỷ lệ hủy phán quyết của năm 2025 lại có xu hướng giảm. Điều này góp phần nâng cao vị thế của trọng

tài thương mại, đồng thời giảm áp lực giải quyết tranh chấp cho hệ thống tòa án. Bên cạnh đó, số liệu trong năm 2025 cho thấy, các bên đương sự có xu hướng chuẩn bị lập luận chặt chẽ và bài bản hơn khi yêu cầu hủy PQTT. Đồng thời, Tòa án cũng thận trọng và nghiêm ngặt hơn trong việc xem xét sự tuân thủ quy trình tố tụng trọng tài.

Ngoài yếu tố định lượng, dữ liệu cũng phản ánh rõ sự đa dạng trong lĩnh vực tranh chấp dẫn đến yêu cầu hủy PQTT. Phân loại sơ bộ cho thấy, các vụ việc thuộc nhóm mua bán hàng hóa, xây dựng, dịch vụ tư vấn thiết kế, phân phối sản phẩm, bảo hiểm, dịch vụ tài chính chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số quyết định. Trong đó:

- Tranh chấp xây dựng và hợp đồng mua bán hàng hóa là hai nhóm có tỷ lệ yêu cầu hủy cao nhất, thường liên quan đến các vấn đề về phạm vi thỏa thuận trọng tài, tư cách đại diện ký kết, và trái nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam;
- Tranh chấp trong hợp đồng dịch vụ tư vấn thiết kế và phân phối sản phẩm lại tập trung nhiều vào lập luận rằng thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc HĐTT vượt quá thẩm quyền khi xem xét yêu cầu ngoài phạm vi hợp đồng;
- Các vụ việc trong lĩnh vực bảo hiểm, cho vay tài sản tuy số lượng ít nhưng nhìn chung, các yêu cầu hủy thường xoay quanh các lập luận về việc thỏa thuận trọng tài vô hiệu, sự thiếu khách quan của HĐTT hoặc cáo buộc sử dụng tài liệu không hợp pháp trong quá trình giải quyết vụ việc.

Từ góc độ tổng thể, các số liệu nêu trên cho thấy việc gia tăng tỷ lệ yêu cầu hủy PQTT trong năm 2025 không phản ánh sự “thiếu ổn định” của cơ chế trọng tài. Thực tế, đây chủ yếu là chiến lược của “bên yếu thế bởi phán quyết” nhằm tìm kiếm một “cơ hội cuối cùng” trong quá trình giải quyết tranh chấp hoặc là cách thức trì hoãn việc thi hành phán quyết.

Tuy nhiên, chủ trương hiện tại vẫn nhấn mạnh việc coi trọng tài như một phương thức giải quyết tranh chấp độc lập song song với việc xét xử của tòa án. Vì vậy, việc tôn trọng nội dung và kết luận của HĐTT được đặt lên hàng đầu. Theo đó, khi hệ thống trọng tài ngày càng hoàn thiện, các quyết định hủy PQTT của Tòa án có xu hướng chỉ tập trung vào các vi phạm mang tính bản chất – tức là những vi phạm thủ tục hoặc vi phạm các nguyên tắc nền tảng có thể ảnh hưởng trực tiếp đến tính hợp pháp của phán quyết.

Do đó, việc theo dõi và so sánh số liệu qua các năm là cơ sở quan trọng để nhận diện xu hướng xét xử của Tòa án. Điều này đồng thời hỗ trợ các tổ chức trọng tài và luật sư thực hành nhận diện những rủi ro pháp lý thường gặp trong quá trình tố tụng trọng tài, từ đó đưa ra định hướng phù hợp ngay từ giai đoạn đầu khi tư vấn cho khách hàng khởi kiện hoặc tham gia tố tụng trọng tài.

## 2. Căn cứ và lập luận của Tòa án khi xem xét yêu cầu hủy phán quyết trọng tài

### 2.1. Đối với các quyết định tuyên hủy phán quyết trọng tài

Đối với các quyết định được nghiên cứu trong năm 2024, có 04/13 quyết định mà Hội đồng xét đơn yêu cầu đã chấp nhận đề nghị hủy PQTT. Sang năm 2025, TAND TP.HCM ghi nhận 05/30 quyết định chấp nhận yêu cầu hủy.

Các căn cứ pháp lý được Hội đồng xét đơn yêu cầu viện dẫn trong các quyết định tuyên hủy bao gồm:

- (i) Điểm a khoản 2 Điều 68 LTTT – không có thỏa thuận trọng tài hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu: **01 quyết định**;



- (ii) Điểm b khoản 2 Điều 68 LTTTM – thành phần HĐTT, thủ tục tố tụng trọng tài không phù hợp với thỏa thuận của các bên hoặc trái với các quy định của LTTTM: **01 quyết định**;
- (iii) Điểm c khoản 2 Điều 68 LTTTM – tranh chấp không thuộc thẩm quyền của HĐTT; trường hợp phán quyết có nội dung vượt quá thẩm quyền thì phần nội dung đó bị hủy: **01 quyết định**;
- (iv) Điểm đ khoản 2 Điều 68 LTTTM – PQT trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam: **07 quyết định**.

Có thể nhận thấy, đa số các trường hợp được chấp nhận hủy PQT xuất phát từ căn cứ “trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” – một khái niệm có phạm vi rộng, mang tính định tính và chưa được quy định một cách cụ thể, rõ ràng trong pháp luật hiện hành.

### 2.1.1. Các căn cứ pháp lý được viện dẫn

- a. *Căn cứ hủy thứ nhất: Không có thỏa thuận trọng tài hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu (điểm a khoản 2 Điều 68 LTTTM)*

Căn cứ pháp lý này được áp dụng trong Quyết định số 178/2024/QĐ-PQT của TAND TP.HCM. Trong vụ việc này, tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng chuyển nhượng vốn giữa ông T và Công ty Q, trong đó các bên thỏa thuận rõ ràng Tòa án là cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, trước khi khởi kiện, ông T đã gửi văn bản đề nghị thay đổi cơ quan giải quyết tranh chấp sang trọng tài. Văn bản này nêu: “... sau 30 ngày kể từ ngày gửi văn bản này, nếu Quý Công ty không có ý kiến khác, chúng ta sẽ gửi hồ sơ đến Trung tâm Trọng tài để giải quyết”. Công ty Q không có bất kỳ phản hồi nào dưới bất kỳ hình thức nào đối với đề nghị nêu trên. Mặc dù vậy, ông T vẫn đơn phương nộp đơn khởi kiện tại Trung tâm Trọng tài, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh rằng Công ty Q đã chấp thuận việc sửa đổi thỏa thuận ban đầu về cơ quan giải quyết tranh chấp.

Trong quá trình xem xét thỏa thuận trọng tài, HĐTT đã có nhận định không chính xác khi áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 16 LTTTM về hình thức thỏa thuận trọng tài. HĐTT cho rằng thỏa thuận trọng tài đã được xác lập bằng văn bản thông qua cơ sở: “Qua trao đổi về đơn kiện và bản tự bảo vệ trong đó thể hiện sự tồn tại của Thỏa thuận do một bên đưa ra và bên kia không phủ nhận”. Đây là một nhận định sai lầm rất rõ ràng, bởi HĐTT đã kết luận như vậy mà không xem xét đầy đủ hồ sơ, tài liệu, chứng cứ cho thấy không có bất kỳ văn bản, email hay thông tin nào chứng minh Công ty Q “không phủ nhận” việc thay đổi thỏa thuận về cơ quan giải quyết tranh chấp. Việc suy diễn này dẫn đến kết luận thiếu cơ sở về sự tồn tại của thỏa thuận trọng tài.

TAND TP.HCM đưa ra lý do hủy PQT rất thuyết phục khi nhận định rằng: “Văn bản do ông T gửi chỉ thể hiện đề nghị đơn phương về việc thay đổi cơ quan giải quyết tranh chấp, và nội dung văn bản này không thể được xem là “trao đổi về đơn kiện và bản tự bảo vệ” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 16 LTTTM. Do đó, văn bản trao đổi này không đủ để hình thành thỏa thuận trọng tài. Đồng thời, trong quá trình tố tụng trọng tài, Công ty Q đã có văn bản phản đối thẩm quyền của HĐTT ngay từ giai đoạn đầu. Vì vậy, không phù hợp khi xem Công ty Q đã “mất quyền phản đối” theo quy định tại Điều 13 LTTTM<sup>1</sup> và Điều 6 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP”. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét đơn nhận định: “Công ty Q đã đưa ra ý kiến phản đối thẩm quyền trọng tài còn trong thời

<sup>1</sup> Điều 13 LTTTM: Mất quyền phản đối

“Trong trường hợp một bên phát hiện có vi phạm quy định của Luật này hoặc của thỏa thuận trọng tài mà vẫn tiếp tục thực hiện tố tụng trọng tài và không phản đối những vi phạm trong thời hạn do Luật này quy định thì mất quyền phản đối tại Trọng tài hoặc Tòa án”.

*hạn và phù hợp với quy định pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ xác định thỏa thuận trọng tài đã được xác lập giữa ông T và Công ty Q để thay thế thỏa thuận tại Điều 4 Hợp đồng về giải quyết tranh chấp tại Tòa án”.*

- b. *Căn cứ hủy thứ hai: Thủ tục tố tụng trọng tài không phù hợp với thỏa thuận của các bên hoặc trái với các quy định của LTTTM (Điểm b khoản 2 Điều 68 LTTTM)*

Căn cứ pháp lý này được áp dụng trong Quyết định số 69/2024/QĐ-PQTT của TAND TP.HCM. Theo đó, HĐTT đã có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như sau:

- *Về ngôn ngữ tố tụng trọng tài:*

Các bên trong hợp đồng đã thỏa thuận lựa chọn tiếng Việt là ngôn ngữ của tố tụng trọng tài. Tuy nhiên, HĐTT lại xem xét và sử dụng một số tài liệu không phải bằng tiếng Việt để làm căn cứ giải quyết tranh chấp, mà không yêu cầu các bên cung cấp bản dịch theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 46 LTTTM và Điều 19 Quy tắc Tố tụng của V. Việc này được Tòa án đánh giá là vi phạm nghiêm trọng quy định về tố tụng trọng tài, cụ thể là ngôn ngữ trọng tài.

- *Về việc thu thập tài liệu, chứng cứ:*

HĐTT đã áp dụng Điều 306 LTM để tính lãi chậm trả, theo đó phải xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán. Theo Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, cơ quan giải quyết tranh chấp phải căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ít nhất 03 ngân hàng thương mại để xác định lãi suất chậm trả.

Tuy nhiên, HĐTT đã không tiến hành thu thập dữ liệu thị trường theo đúng hướng dẫn này, mà chỉ dựa trên một báo cáo không chính thức của một ngân hàng – cụ thể là văn bản công bố diễn biến lãi suất của tổ chức tín dụng đối với khách hàng – để xác định mức lãi suất chậm trả. Cách làm này dẫn đến sai phạm trong hoạt động tố tụng về việc thu thập tài liệu, chứng cứ nhằm làm căn cứ cho quyết định của HĐTT.

- c. *Căn cứ hủy thứ ba: Tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài (điểm c khoản 2 Điều 68 LTTTM)*

Căn cứ pháp lý này được áp dụng trong Quyết định số 35/2025/QĐ-PQTT của TAND TP.HCM. Trong vụ việc này, ông T và bà Y (vợ chồng) trước đây cùng đứng chung một mã số nhà phân phối theo Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp với Công ty U. Sau khi phát sinh mâu thuẫn với Công ty U, việc đứng chung mã số này không còn được duy trì và hai bên cũng đã ly hôn. Tuy nhiên, theo thỏa thuận giữa hai người, ông T sẽ là người tiếp tục đứng tên trên hợp đồng bán hàng đa cấp với Công ty U và thực hiện các hoạt động như trước đây, đồng thời có trách nhiệm chia tỷ lệ hoa hồng cho bà Y theo nội dung ghi nhận tại “Văn bản thỏa thuận phân chia tỷ lệ hoa hồng trong hợp đồng bán hàng đa cấp”. Khi phát sinh tranh chấp liên quan đến thỏa thuận chia hoa hồng này, ông T và bà Y đã thảo luận lại và thống nhất lựa chọn trọng tài làm cơ quan giải quyết tranh chấp.

Tuy nhiên, khi giải quyết yêu cầu hủy PQTT, Hội đồng xét đơn cho rằng tranh chấp giữa ông T và bà Y thực chất là tranh chấp dân sự về phân chia tài sản chung, không phát sinh từ hoạt động kinh doanh, thương mại như hợp đồng ký giữa ông T và Công ty U. Do vậy, tranh chấp này không thuộc



phạm vi điều chỉnh của hoạt động trọng tài thương mại theo quy định tại Điều 2 LTTTM.<sup>2</sup>

Trên cơ sở đó, Tòa án nhận định: “Tuy các bên có chọn trọng tài là cơ quan giải quyết tranh chấp nhưng do tranh chấp của các bên không xuất phát từ hoạt động kinh doanh, thương mại theo Điều 2 LTTTM mà thuộc phạm vi Điều 1 BLTTDS. Vì vậy, việc các bên lựa chọn trọng tài và trung tâm trọng tài chấp nhận giải quyết cũng không làm phát sinh hiệu lực, do vụ kiện không thuộc thẩm quyền của trọng tài theo Điều 2 và điểm c khoản 2 Điều 68 LTTTM”.

- d. *Căn cứ hủy thứ tư: Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam (điểm đ khoản 2 Điều 68 LTTTM)*

Đây là căn cứ hủy phổ biến nhất so với các căn cứ theo Điều 68 LTTTM. Từ những quyết định được nghiên cứu trong Báo cáo này, ta có thể nhận thấy các quyết định bị hủy phần lớn do vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Dân sự Việt Nam như:

| Tên quyết định                 | Vi phạm các nguyên tắc cơ bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Quyết định số 69/2024/QĐ-PQTT  | <p>- <b>Vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam về nguyên tắc bình đẳng giữa các bên được quy định tại khoản 1 Điều 3 BLDS 2015</b></p> <p>Cụ thể, trong vụ việc này, lãi suất nợ quá hạn của các ngân hàng thương mại đối với USD và EUR là khác nhau. Tuy nhiên, HĐTT lại áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn của USD để tính cho khoản nợ bằng EUR, dẫn đến việc áp dụng quy định pháp luật không đúng bản chất và gây bất lợi cho một bên trong tranh chấp.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Quyết định số 275/2024/QĐ-PQTT | <p>- <b>Vi phạm khoản 3 Điều 4 Luật TTTM: Các bên tranh chấp đều bình đẳng về quyền và nghĩa vụ. HĐTT có trách nhiệm tạo điều kiện để họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình</b></p> <p>Tuy nhiên, trong vụ việc này, HĐTT chỉ xem xét ý kiến của Nguyên đơn mà không đánh giá, phản hồi hoặc xem xét lập luận của Bị đơn, dẫn đến việc giải quyết vụ tranh chấp thiếu tính khách quan và vi phạm nguyên tắc bình đẳng giữa các bên.</p> <p>- <b>Vi phạm khoản 2 Điều 4 Luật TTTM: “Trọng tài viên phải độc lập, khách quan, vô tư và tuân theo quy định của pháp luật”</b></p> <p>Cụ thể, phần quyết định của PQTT lại không phù hợp với phần nhận định được nêu trong nội dung phán quyết, gây ra sự mâu thuẫn giữa nhận định và quyết</p> |

<sup>2</sup> Điều 2. Thẩm quyền giải quyết các tranh chấp của Trọng tài

“1. Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại.

2. Tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại.

3. Tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng Trọng tài”.

|                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                  | <p>định. Sự không thống nhất này cho thấy HĐTT không bảo đảm tính khách quan, minh bạch và nhất quán trong việc đánh giá và đưa ra kết luận đối với vụ tranh chấp.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Quyết định số 97/2024/QĐ-PQTT    | <p>- <b>Vi phạm khi xác định thời hiệu khởi kiện: xác định thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán và thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự theo Điều 156 BLDS 2015</b></p> <p>Cụ thể, HĐTT cho rằng đơn khởi kiện của Nguyên đơn đã hết thời hiệu nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, nhận định này chưa chính xác vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>(i) Thỏa thuận của các bên không quy định rõ thời hạn cụ thể để xác định thời hiệu khởi kiện. Trong trường hợp này, để làm phát sinh nghĩa vụ thanh toán, một bên phải gửi thông báo và cho bên kia một khoảng thời gian hợp lý để thực hiện nghĩa vụ. Chỉ từ thời điểm kết thúc thời hạn hợp lý này mới có thể xác định thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán, làm căn cứ tính thời hiệu.</li> <li>(ii) HĐTT không căn trừ khoảng thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 156 BLDS 2015, cụ thể là thời gian bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.</li> </ul> |
| Quyết định số 121/2025/QĐST-KDTM | <p>- <b>Vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam về khoản 2 Điều 3 BLDS 2015</b></p> <p>Theo đó, PQTT không tôn trọng thỏa thuận của các bên trong các hợp đồng liên quan đến thỏa thuận tính lãi chậm trả. Cụ thể, HĐTT đã xác định thời điểm phát sinh lãi chậm trả không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng. Điều này bị Tòa án đánh giá là xâm phạm nguyên tắc tôn trọng thỏa thuận và tự do cam kết, thỏa thuận của các bên trong giao dịch dân sự.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Quyết định số 197/2025/QĐ-PQTT   | <p>- <b>Vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam về khoản 4 Điều 3 BLDS 2015 và khoản 2 Điều 4 LTTT</b></p> <p>HĐTT đã chấp nhận các email có nguồn gốc và xuất xứ không rõ ràng, chưa được lập vi bằng làm chứng cứ, mặc dù Bị đơn không thừa nhận tính xác thực của các email này và đã yêu cầu triệu tập những người liên quan tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng. Tuy nhiên, yêu cầu này không được HĐTT xem xét, xử</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |



|                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                  | <p>lý.</p> <p>Việc bỏ qua yêu cầu hợp pháp của Bị đơn và sử dụng các email chưa được xác thực làm căn cứ giải quyết tranh chấp đã dẫn đến vi phạm nguyên tắc bình đẳng, khách quan và vô tư trong việc đánh giá và sử dụng chứng cứ.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Quyết định số 267/2025/QĐ-PQTT   | <p>- <b>Vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam về khoản 2 Điều 3 BLDS 2015</b></p> <p>HĐTT đã áp dụng mức phạt vi phạm 12% trên tổng giá trị hợp đồng, tuy nhiên cách áp dụng này không phù hợp với thỏa thuận của các bên. Theo hợp đồng, các bên đã thống nhất rằng nếu một phần công trình hoặc một hạng mục đã được nghiệm thu thì mức thiệt hại (và tương ứng mức phạt) sẽ được giảm trừ theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành. Việc HĐTT vẫn áp dụng mức phạt 12% trên toàn bộ giá trị hợp đồng mà không xem xét trừ đi phần công trình đã được nghiệm thu là trái với thỏa thuận của các bên và không phản ánh đúng bản chất thiệt hại thực tế.</p>                                                                                 |
| Quyết định số 288/2025/QĐST-KDTM | <p>- <b>Vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam về khoản 2 Điều 3 BLDS 2015</b></p> <p>HĐTT đã không tuân thủ đúng thỏa thuận của các bên trong hợp đồng về phương thức thông báo. Theo hợp đồng, các bên thống nhất rằng mọi thông báo phải được lập thành văn bản và gửi đến địa chỉ của bên kia. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên lại gửi thông báo qua ứng dụng Zalo, và HĐTT đã căn cứ vào vi bằng ghi nhận các tin nhắn Zalo để xác định việc thông báo được gửi qua Zalo là hợp lệ. Cách thức này bị Tòa án đánh giá là không phù hợp với thỏa thuận của các bên, vì thỏa thuận về phương thức thông báo bằng văn bản đã được xác lập rõ ràng giữa các bên và phải được tôn trọng khi giải quyết tranh chấp.</p> |

### 2.1.2. Bình luận

Từ thực tiễn xét xử yêu cầu hủy PQTT của TAND TP.HCM giai đoạn 2024 – 2025, có thể nhận diện một số sự “khó hiểu” trong lập luận và cách áp dụng căn cứ pháp lý của Tòa án. Cụ thể:

- a. *Việc đề cao nguyên tắc tôn trọng thỏa thuận và bảo đảm bình đẳng giữa các bên: Tòa án có đang đi vào nội dung tranh chấp?*

Phần lớn các PQTT bị hủy xuất phát từ việc HĐTT không tôn trọng đầy đủ thỏa thuận của các bên hoặc diễn giải thỏa thuận theo hướng khác với ý chí ban đầu của các bên. Các sai sót phổ biến thường gặp được tổng hợp bao gồm: không tuân thủ thỏa thuận của các bên về ngôn ngữ tố tụng trọng tài, phương thức thông báo, hoặc cách tính lãi chậm trả.

Tuy nhiên, một vấn đề đặt ra là: khi Tòa án xem xét nguyên tắc tôn trọng thỏa thuận và bảo đảm sự bình đẳng giữa các bên, liệu việc xem xét đó có dẫn đến “xem xét lại nội dung tranh chấp” hay không? Nói cách khác, ranh giới giữa việc bảo đảm tuân thủ “nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” và việc đánh giá lại nội dung vụ tranh chấp vẫn chưa thực sự rõ ràng.

Thực tiễn cho thấy, có 02 quyết định mà theo quan điểm của chúng tôi, lập luận của Tòa án có dấu hiệu xem xét lại nội dung tranh chấp, tiệm cận với việc “xét xử lại” thay vì chỉ “hậu kiểm thủ tục”:

- Tại Quyết định số 267/2025/QĐST-KDTM, Tòa án đã hủy PQTТ với lý do HĐTT không tôn trọng thỏa thuận của các bên về cách tính phạt vi phạm. Cụ thể, Tòa án cho rằng việc HĐTT chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn để áp dụng mức phạt 12% trên tổng giá trị hợp đồng là không đúng – bởi lẽ, theo thỏa thuận trong hợp đồng, mức phạt này cần được giảm trừ tương ứng với phần công việc đã hoàn thành và được nghiệm thu. Tòa án nhận định việc HĐTT không tuân thủ thỏa thuận này đã vi phạm nguyên tắc cơ bản về quyền tự do thỏa thuận trong giao dịch dân sự, nguyên tắc đòi hỏi phải tôn trọng ý chí của các bên (miễn là không trái pháp luật).<sup>3</sup>

Tuy nhiên, việc Tòa án xem xét lại phương thức tính phạt vi phạm trên cơ sở diễn giải thỏa thuận của các bên, đồng thời đưa ra bình luận về nhận định của HĐTT trong trường hợp này đặt ra câu hỏi: Liệu Tòa án có đang đi vào nội dung tranh chấp hay không? Bởi lẽ, hệ quả của việc hủy PQTТ theo lập luận này là: khi vụ việc được xét xử lại, cơ quan giải quyết tranh chấp sẽ phải đánh giá lại bản chất của thỏa thuận này, và lập luận theo một hướng khác, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả phân xử so với ban đầu.

- Tại Quyết định số 121/2025/QĐST-KDTM, Hội đồng xét đơn đã nhận định PQTТ “không tôn trọng thỏa thuận của các bên trong các hợp đồng liên quan đến thỏa thuận tính lãi chậm trả”. Theo thỏa thuận, bên mua phải trả lãi chậm thanh toán nếu không thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Tuy nhiên, khi xem xét yêu cầu hủy, Hội đồng xét đơn đã đi sâu phân tích bản chất của thỏa thuận này, đặt vấn đề về loại hóa đơn được sử dụng làm căn cứ tính thời điểm phát sinh lãi chậm trả – liệu phải là hóa đơn GTGT hợp lệ hay hóa đơn nháp cũng có thể được coi là đáp ứng “ngày xuất hóa đơn” theo thỏa thuận của các bên. Không dừng lại ở đó, Hội đồng xét đơn còn viện dẫn thực tiễn thanh toán không dựa vào việc có xuất hóa đơn hay không giữa các bên, từ đó cho rằng HĐTT đã đánh giá chưa hợp lý về thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả lãi chậm thanh toán.<sup>4</sup>

### <sup>3</sup> Nhận định của Tòa án:

“[4.2.1] ... Căn cứ vào Điều 14.2 về nghiệm thu bộ phận công trình ... ‘... Nếu Biên bản nghiệm thu đã được cấp cho một phần công trình (chứ không phải là một hạng mục) thì những thiệt hại do chậm trễ hoàn thành công việc của những phần còn lại của hạng mục (nếu có) mà phần công trình này thuộc về cũng sẽ được giảm bớt. Đối với bất kỳ thời gian chậm trễ nào sau ngày được nêu cụ thể trong biên bản nghiệm thu này, sự giảm bớt theo tỷ lệ trong các thiệt hại do sự chậm trễ đó sẽ được tính theo tỷ lệ mà giá trị của phần đã được xác nhận mang đến cho giá trị của công việc hoặc bộ phận (nếu trường hợp xảy ra) xét như là một tổng thể. CPV hoặc Nhà tư vấn sẽ đồng ý hoặc xác định những phần thiệt hại được giảm bớt này. Những điều khoản của đoạn này sẽ chỉ áp dụng cho tỷ lệ thiệt hại do trì hoãn gây ra hàng ngày theo khoản 7.7...’. Từ thỏa thuận này có thể hiểu một phần công trình hay một hạng mục nào đó đã được cấp Biên bản nghiệm thu thì thiệt hại sẽ giảm bớt. Do đó, việc Hội đồng trọng tài chấp nhận yêu cầu của Công ty C1 áp dụng mức phạt 12% trên tổng giá trị Hợp đồng là không xem xét sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng, vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam quy định tại khoản 4 Điều 3 Bộ luật dân sự năm 2015: “Việc xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự không được xâm phạm đến lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác”.

### <sup>4</sup> Nhận định của Tòa án:

“[3] ... Hội đồng Trọng tài đã áp dụng điểm b khoản 4 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP để xác định ‘hóa đơn hợp lệ’ là hóa đơn giá trị gia tăng. Xét, tại hợp đồng các bên thỏa thuận “Thanh toán cho A chi phí hàng tháng vào hay trước 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn (invoice)” nên việc HĐTT giải thích điều khoản như trên là không rõ ràng, bởi điều khoản này không quy định về “hóa đơn hợp lệ” hoặc định nghĩa “hóa đơn hợp lệ” là hóa đơn giá trị gia tăng, việc giải thích như trên của HĐTT không phù hợp với ý chí của các bên, đồng thời việc giải thích này cũng chưa phù hợp với thực tiễn giao dịch thanh toán của các bên. Bởi các đương sự đều thừa nhận tại



Theo quan điểm của chúng tôi, cách tiếp cận này cho thấy Hội đồng xét đơn đã xem xét lại nội dung tranh chấp mà HĐTT đã giải quyết, dù lập luận đưa ra có thể có những điểm hợp lý. Vấn đề trọng tâm mà Hội đồng xét đơn phân tích liên quan đến việc diễn giải thỏa thuận và xác định thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán lãi – đây là nội dung đã được HĐTT xem xét và đưa ra kết luận trong phạm vi quyền xét xử của mình. Việc Tòa án đi sâu đánh giá bản chất thỏa thuận và thực tế thực hiện hợp đồng của các bên không phải là những vấn đề sai phạm về tố tụng, mà thuộc phạm vi xem xét lại nội dung tranh chấp. Điều này có dấu hiệu gần với việc “xét xử lại” nội dung vụ việc, không phù hợp với nguyên tắc Tòa án không xét lại nội dung tranh chấp theo khoản 4 Điều 71 LTTT.

**b. Cần có tiêu chí rõ ràng trong việc áp dụng các cơ sở pháp lý để chấp nhận yêu cầu hủy phán quyết trọng tài phù hợp với thực tế**

Có thể nhận thấy, trong một số vụ việc, Tòa án áp dụng cơ sở pháp lý để quyết định hủy PQT chưa thực sự rõ ràng, liệu áp dụng điểm b khoản 2 Điều 68 LTTT (liên quan đến vi phạm thủ tục tố tụng trọng tài) hay điểm đ khoản 2 Điều 68 LTTT (trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam).

Cụ thể, tại Quyết định số 197/2025/QĐ-PQT, Tòa án chấp nhận yêu cầu hủy PQT với lý do “trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” theo khoản 4 Điều 3 BLDS 2015 và khoản 2 Điều 4 LTTT, trên cơ sở cho rằng HĐTT đã (1) chấp nhận các email không rõ nguồn gốc, xuất xứ và không được lập vi bằng làm chứng cứ; (2) bỏ qua việc Bị đơn không thừa nhận tính xác thực của các email này; và (3) không xem xét yêu cầu triệu tập người có liên quan đến email với tư cách người làm chứng.<sup>5</sup>

Theo quan điểm của chúng tôi, mặc dù LTTT không quy định cụ thể về điều kiện công nhận và

---

*phiên họp thì thực tế thanh toán Công ty A xuất hóa đơn (invoice) và Công ty TD sẽ thanh toán bằng tiền Việt Nam đồng, sau đó Công ty A mới xuất hóa đơn giá trị gia tăng. HĐTT chưa xem xét các quy định của Điều 404 Bộ luật dân sự mà đã xác định “hóa đơn hợp lệ” là hóa đơn giá trị gia tăng là chưa phù hợp. Như vậy, Hội đồng Trọng tài đã không tôn trọng thỏa thuận của các bên khi giải quyết Vụ tranh chấp”.*

<sup>5</sup> **Nhận định của Tòa án:**

*“[4.1] ... Xét: Hội đồng trọng tài đã sử dụng các email không có trong vi bằng mà Công ty K cung cấp cho Hội đồng trọng tài để làm căn cứ giải quyết vụ việc. Hội đồng trọng tài đã đưa ra các nhận định (...) và nhận định các email này là chứng cứ quan trọng để chấp nhận yêu cầu khởi Công ty F. Căn cứ vào khoản 1 Điều 95 BLTDS quy định: “1. Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận” và theo Điều 3 Nghị quyết 04/2012/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn thi hành một số quy định về “Chứng minh và chứng cứ” của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định: “a) Các tài liệu đọc được nội dung phải là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận. Bản chính có thể là bản gốc hoặc bản được dùng làm cơ sở lập ra các bản sao. -b) Các tài liệu nghe được, nhìn được phải được xuất trình kèm theo văn bản xác nhận xuất xứ của tài liệu đó, ... Nếu đương sự không xuất trình các văn bản nêu trên, thì tài liệu nghe được, nhìn được mà đương sự giao nộp không được coi là chứng cứ”. Đồng thời, Điều 108 BLTDS quy định: “1. Việc đánh giá chứng cứ phải khách quan, toàn diện, đầy đủ và chính xác - 2. Tòa án phải đánh giá từng chứng cứ, sự liên quan giữa các chứng cứ và khẳng định tính hợp pháp, tính liên quan, giá trị chứng minh của từng chứng cứ”. Trong vụ tranh chấp này, Công ty K đã cung cấp cho Hội đồng trọng tài một số email để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, (...). Mặc dù, các email này chưa đảm bảo giá trị về hình thức, nguồn gốc trích dẫn, không được lập vi bằng, ... không xuất trình được văn bản xác nhận xuất xứ của tài liệu này. Đồng thời, các email này cũng không được Công ty H3 thừa nhận nhưng Hội đồng trọng tài vẫn dùng làm chứng cứ để giải quyết vụ tranh chấp là chưa thỏa đáng, chưa đánh giá một cách khách quan, toàn diện làm ảnh hưởng đến tính khách quan, công bằng của phán quyết trọng tài, vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam quy định tại khoản 4 Điều 3 Bộ luật dân sự năm 2015: “Việc xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự không được xâm phạm đến lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác” và khoản 2 Điều 4 Luật Trọng tài thương mại 2010: “Trọng tài viên phải độc lập, khách quan, vô tư và tuân theo quy định của pháp luật”. Hơn nữa, các email này Công ty K không gửi trực tiếp cho đại diện theo pháp luật của Công ty H3 mà gửi cho các ông bà là ông Tuấn D, bà Trâm A, ông Timothy T1. Công ty F cho rằng những người này là nhân sự của Công ty H3 nhưng không có tài liệu gì chứng minh. Công ty H3 thì cho rằng những người này không phải là nhân sự của Công ty H3 nên trước khi mở phiên họp, tại các phiên làm việc và phiên họp Công ty H3 đã có văn bản đề nghị Hội đồng trọng tài cho triệu tập những người liên quan trên nhưng Hội đồng trọng tài không xem xét, mặc nhiên chấp nhận các email không rõ nguồn gốc, xuất xứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty K là vi phạm nguyên tắc bình đẳng, khách quan, vô tư khi đánh giá và sử dụng chứng cứ trong việc giải quyết vụ tranh chấp”.*

đánh giá chứng cứ trong tố tụng trọng tài, nhưng tài liệu, chứng cứ được sử dụng để giải quyết tranh chấp vẫn phải đáp ứng các tiêu chuẩn pháp lý chung, đặc biệt là các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét đơn đã viện dẫn khoản 1 Điều 95 BLTTDS 2015 và Điều 3 Nghị quyết 04/2012/NQ-HĐTP để khẳng định rằng chứng cứ do một bên cung cấp phải bảo đảm tính hợp pháp, xác thực và khách quan. Từ lập luận này, Hội đồng xét đơn cho rằng việc HĐTT chấp nhận và sử dụng các tài liệu không bảo đảm giá trị chứng minh đã xâm phạm nguyên tắc bình đẳng, khách quan và vô tư trong quá trình đánh giá chứng cứ.

Tuy nhiên, việc đánh giá tính hợp pháp của chứng cứ về bản chất là vấn đề thuộc phạm vi tố tụng. Do đó, vấn đề đặt ra là: Việc HĐTT sử dụng chứng cứ không rõ nguồn gốc, không được xác thực và không bảo đảm giá trị pháp lý theo chuẩn mực tố tụng có thực sự cấu thành “vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”, hay đúng bản chất chỉ nên được xem là “vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trọng tài” theo điểm b khoản 2 Điều 68 LTTTM?

Mặt khác, bản luận sâu hơn về vụ việc, theo điểm d khoản 2 Điều 68 LTTTM, có thể áp dụng căn cứ huỷ PQT bao gồm việc HĐTT sử dụng chứng cứ giả mạo để lập phán quyết hay không?

Theo đó, tại Điều 15 Nghị quyết số 01/2014 hướng dẫn như sau: *“Tòa án chỉ xem xét việc xác định chứng cứ giả mạo nếu có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu đó và chứng cứ đó phải có liên quan đến việc ra phán quyết, có ảnh hưởng đến tính khách quan, công bằng của phán quyết. Tòa án phải căn cứ vào quy định Luật TTTM, quy tắc tố tụng trọng tài, thỏa thuận của các bên và quy tắc xem xét, đánh giá chứng cứ mà HĐTT áp dụng khi giải quyết vụ việc để xác định chứng cứ giả mạo”*.

Việc Tòa án chỉ dựa vào việc “các email không được lập vi bằng làm chứng cứ, HĐTT bỏ qua việc Bị đơn không thừa nhận tính xác thực của các email này” để huỷ Phán quyết là chưa đúng hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao. Theo đó, Tòa án chỉ huỷ PQT khi thoả mãn 2 yếu tố: (i) có chứng cứ chứng minh chứng cứ đó giả mạo; (ii) được Hội đồng sử dụng để ra phán quyết.

Nhìn chung, với nhận định của Tòa án cho rằng, việc sử dụng chứng cứ chưa xác thực là “trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”, chúng tôi cho rằng việc áp dụng điểm b, d và d khoản 2 Điều 68 LTTTM là chưa thực sự thuyết phục và chưa bám sát các hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao (tại Nghị quyết số 01/2014), ảnh hưởng đến tính đồng bộ và tính thống nhất trong thực tiễn xét xử yêu cầu huỷ PQT. Hệ quả là, nếu những thiếu sót trong quá trình thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ đều bị xem là “vi phạm nguyên tắc cơ bản”, thì phạm vi của khái niệm này sẽ ngày càng bị mở rộng theo nhận định chủ quan của Tòa án, và căn cứ cho việc huỷ một PQT sẽ thiếu rõ ràng, bởi bất kể vấn đề nào cũng có thể quy thành “vi phạm nguyên tắc cơ bản”.

## 2.2. Đối với các quyết định không huỷ phán quyết trọng tài

Trong năm 2024, đã có 09 trên tổng số 13 quyết định xem xét yêu cầu huỷ PQT của TAND TP.HCM tuyên không huỷ PQT. Con số này tăng lên 21 trên tổng số 26 vào năm 2025. Nếu tính cả những quyết định có được trong quá trình chúng tôi hành nghề, thì có tổng cộng 25 trên tổng số 30 quyết định không huỷ PQT vào năm 2025. Vậy dựa vào những căn cứ và lập luận nào mà Tòa án không chấp nhận những yêu cầu này?

### 2.2.1. Yêu cầu huỷ là “nội dung tranh chấp”

Lý do phổ biến nhất được TAND TP.HCM viện dẫn khi bác yêu cầu huỷ PQT là: các lập luận của bên yêu cầu thực chất liên quan đến nội dung tranh chấp, chứ không phải là các căn cứ pháp lý hợp lệ để huỷ phán quyết theo Điều 68 LTTTM. Vì nội dung tranh chấp đã được HĐTT giải quyết, nên Tòa không xét xử lại theo khoản 4 Điều 71 LTTTM. Do đó, yêu cầu huỷ PQT không được

chấp nhận.

Chẳng hạn, trong Quyết định số 03/2025/QĐST-KDTM ngày 07/01/2025, bên yêu cầu (Công ty GD) cho rằng PQTT trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam vì cho rằng yêu cầu bồi thường thiệt hại của họ phù hợp theo quy định tại Điều 303 LTM về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: có hành vi vi phạm hợp đồng; có thiệt hại xảy ra; hành vi vi phạm hợp đồng là nguyên nhân trực tiếp gây ra thiệt hại. Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn bồi thường thiệt hại bao gồm thiệt hại trực tiếp và thiệt hại do mất cơ hội kinh doanh. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết tranh chấp, HĐTT chỉ chấp nhận một phần yêu cầu này và bác phần còn lại vì cho rằng Nguyên đơn không chứng minh được toàn bộ giá trị tổn thất thực tế theo Điều 304 LTM. Tòa án nhận định rằng toàn bộ lập luận của Nguyên đơn thực chất chỉ nhằm phản bác cách HĐTT đánh giá chứng cứ, tình tiết và xác định nghĩa vụ bồi thường thiệt hại. Đây là những vấn đề thuộc nội dung tranh chấp và đã được HĐTT xem xét, giải quyết. Vì vậy, Tòa án kết luận rằng không có căn cứ để hủy PQTT.<sup>6</sup>

Trong một quyết định khác (Quyết định số 83/2025/QĐ-PQTT ngày 08/5/2025), bên yêu cầu hủy PQTT – bà Nguyễn Thị T (Nguyên đơn) cho rằng HĐTT đã không chấp nhận yêu cầu tuyên vô hiệu Văn bản thỏa thuận ngày 17/11/2020 và không xem xét đầy đủ quyền lợi của bà, mặc dù bà đã thanh toán hơn 80% giá trị tài sản nhưng vẫn chưa được nhận nhà theo thỏa thuận. Bà T lập luận rằng Công ty Cổ phần N (Bị đơn) đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán lãi vay và không cung cấp đầy đủ thông tin pháp lý của dự án. Do đó, việc HĐTT không tuyên vô hiệu Văn bản thỏa thuận và bác yêu cầu của bà là trái pháp luật, dẫn đến yêu cầu hủy toàn bộ PQTT. TAND TP.HCM nhận định rằng: “Văn bản thỏa thuận” giữa các bên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, các bên đã hiểu rõ nội dung và không có bằng chứng về việc bị lừa dối hoặc ép buộc. HĐTT đã xem xét đầy đủ các lập luận, chứng cứ của các bên khi giải quyết vụ tranh chấp. Theo quy định tại khoản 4 Điều 71 LTTTM và khoản 2 Điều 15 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP, Tòa án khi xem xét đơn yêu cầu thì chỉ kiểm tra các căn cứ hủy phán quyết theo Điều 68 LTTTM, không xét lại nội dung tranh chấp HĐTT đã giải quyết. Vì các lập luận do bà T nêu đều liên quan đến nội dung vụ tranh chấp và không vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, nên Tòa án tuyên không có căn cứ để hủy PQTT.<sup>7</sup>

Trong năm 2024 và 2025, đã có rất nhiều yêu cầu hủy PQTT bị TAND TP.HCM từ chối với lý do

#### <sup>6</sup> Nhận định của Tòa án:

*“[3] ... Công ty Gia Thái yêu cầu bồi thường thiệt hại bao gồm thiệt hại trực tiếp (gồm 08 mục) và thiệt hại gián tiếp (gồm 02 mục) như chi phí hoàn thiện ghế (44 cái); chi phí phơi ghế; chi phí hoàn thiện để hoán đổi ghế (156 cái); chi phí sản xuất phơi ghế đổi ghế lỗi; chi phí vận chuyển...nhưng Công ty GD không chứng minh được các giá trị tổn thất là có căn cứ thực tế, hợp pháp và các lý do mà Công ty GD đưa ra là các vấn đề thuộc về nội dung tranh chấp của các bên đã được Hội đồng trọng tài xem xét mức độ lỗi của hai bên trên cơ sở tài liệu chứng cứ và lời trình bày từ Nguyên đơn và bị đơn, Công ty GD không chứng minh được Phán quyết trọng tài số 09/23 vi phạm như thế nào theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 14 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/03/2014 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại.*

*... Xét thấy, các lý do Công ty GD đưa ra thuộc nội dung tranh chấp đã được Hội đồng Trọng tài phân tích, đánh giá; căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 71 Luật Trọng tài thương mại 2010, Hội đồng xét đơn không xét xử lại nội dung vụ tranh chấp mà Hội đồng Trọng tài đã giải quyết”.*

#### <sup>7</sup> Nhận định của Tòa án:

*“[4.1] Về yêu cầu của bà T cho rằng Hội đồng trọng tài không chấp nhận tuyên vô hiệu Văn bản thỏa thuận, Xét: Tại phiên họp, bà T và đại diện hợp pháp của Công ty N1 đều xác nhận Văn bản thỏa thuận số: NWP.1.5- 03.15.2020/VBTT/NVR-NTT ngày 17/11/2020 được ký kết trên cơ sở tự nguyện và đúng quy định pháp luật, các bên đã đọc hiểu và ký kết mà không bị lừa dối, ép buộc... Công ty N là đơn vị tư vấn môi giới cho phía bà T lựa chọn tài sản thuộc Dự Án Tổ hợp Khu D do Công ty TNHH D là Chủ đầu tư và bà T có nguyện vọng được mua tài sản của Công ty TNHH D khi đủ điều kiện mở bán theo quy định pháp luật. Quá trình thực hiện Văn bản thỏa thuận thì Công ty N đã thực hiện đầy đủ các cam kết về dịch vụ tư vấn môi giới cho phía bà T và bà T không có ý kiến phản đối hay khiếu nại gì tại thời điểm mà hai bên ký kết Văn bản thỏa thuận. Hơn nữa, căn cứ vào khoản 4 Điều 71 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 quy định “Khi xét đơn yêu cầu, Hội đồng xét đơn yêu cầu căn cứ vào các quy định tại Điều 68 của Luật này và các tài liệu kèm theo để xem xét, quyết định; không xét xử lại nội dung vụ tranh chấp mà Hội đồng trọng tài đã giải quyết”. Đồng thời, khoản 2 Điều 15 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn: “Khi xét đơn yêu cầu, Hội đồng xét đơn không xét lại nội dung vụ tranh chấp...”. Do đó, yêu cầu này của bà T thuộc về nội dung của phán quyết nên không có cơ sở để Hội đồng xét đơn xem xét”.*



này:

- Quyết định số 07/2024/QĐ-PQTT ngày 25/01/2024;
- Quyết định số 10/2024/QĐ-PQTT ngày 30/01/2024;
- Quyết định số 39/2024/QĐ-PQTT ngày 18/3/2024;
- Quyết định số 131/2024/QĐ-PQTT ngày 27/6/2024;
- Quyết định số 04/2025/QĐST-KDTM ngày 07/01/2025;
- Quyết định số 08/2025/QĐST-KDTM ngày 09/01/2025;
- Quyết định số 51/2025/QĐ-PQTT ngày 01/4/2025;
- Quyết định số 56/2025/QĐ-PQTT ngày 11/4/2025;
- Quyết định số 226/2025/QĐ-PQTT ngày 22/7/2025;
- Quyết định số 229/2025/QĐ-PQTT ngày 23/7/2025;
- Quyết định số 232/2025/QĐ-PQTT ngày 28/7/2025;
- Quyết định số 234/2025/QĐ-PQTT ngày 29/7/2025;
- Quyết định số 263/2025/QĐ-PQTT ngày 18/9/2025;
- Quyết định số 291/2025/QĐ-PQTT ngày 08/9/2025.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 71 LTTTM (được hướng dẫn bởi khoản 2 Điều 15 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP), khi xét đơn yêu cầu, Hội đồng xét đơn không xét lại nội dung vụ tranh chấp mà cần kiểm tra PQTT có thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 68 LTTTM hay không. Nếu có thuộc một trong các trường hợp này mà HĐTT không khắc phục hoặc không thể khắc phục được theo yêu cầu của Tòa án, thì lúc đó Tòa án mới có căn cứ để tuyên hủy PQTT.

Thực tiễn các quyết định của TAND TP.HCM cho thấy, Tòa án luôn giữ lập trường nhất quán rằng việc HĐTT đánh giá chứng cứ, xác định thiệt hại, áp dụng điều khoản hợp đồng hay điều luật cụ thể không thể là căn cứ để hủy PQTT. Đây đều là những vấn đề đã được HĐTT cân nhắc, phân tích và áp dụng khi giải quyết dựa trên những tài liệu, hồ sơ do các bên cung cấp trong quá trình tố tụng trọng tài. Có thể thấy, khi áp dụng Điều 68 LTTTM, TAND TP.HCM thường đặt trọng tâm vào việc kiểm tra tính hợp pháp và thủ tục tố tụng trọng tài, mà không can thiệp vào nội dung vụ tranh chấp. Cách lập luận này vừa đảm bảo nguyên tắc tôn trọng tính chung thẩm của trọng tài, vừa tô đậm vai trò “hậu kiểm” của Tòa án trong việc bảo đảm quy trình trọng tài được tiến hành đúng quy định pháp luật. Đây cũng là xu hướng nổi bật qua phần lớn các quyết định xem xét yêu cầu hủy PQTT trong hai năm 2024 và 2025 của TAND TP.HCM, giúp ổn định cơ chế giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại.

Như vậy, về các quyết định của Tòa án đánh giá rằng, vấn đề chứng cứ, chế tài áp dụng, phạt, lãi là thuộc về nội dung tranh chấp, và khi so sánh với các quyết định mà Tòa án huỷ Phán quyết nêu tại phần 3, mục 2.2 trên đây, chúng tôi thấy rằng, có hiện tượng Tòa án thiếu thống nhất trong đường lối giải quyết về các vấn đề này. Phần lớn Tòa án cho rằng các vấn đề thuộc về nội dung tranh chấp nên Tòa án không xem xét, nhưng cùng vấn đề đó, tại một số quyết định, Tòa án lại cho rằng có “vi phạm nguyên tắc cơ bản”.

### 2.2.2. Không chứng minh được “phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”

Đối với những lập luận bị Tòa án xác định là chỉ liên quan đến “nội dung tranh chấp”, bên yêu cầu thường đồng thời viện dẫn thêm rằng PQTT đã “vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” để bổ sung cho yêu cầu hủy của mình. Tuy nhiên, trong đa số trường hợp, Tòa án nhận định rằng những lập luận này thực chất vẫn là sự phản đối đối với cách HĐTT đánh giá chứng cứ hoặc áp dụng pháp luật trong phạm vi nội dung vụ tranh chấp, chứ không chứng minh được có hành vi vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam theo điểm đ khoản 2 Điều 68 LTTTM.

Trong Quyết định số 39/2024/QĐ-PQTT ngày 18/3/2024, Công ty IDC yêu cầu hủy PQTT số 127/22 HCM của Trung tâm V, với lập luận rằng phán quyết này “trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” theo điểm đ khoản 2 Điều 68 LTTTM. Bên yêu cầu nêu ba lý do:

- (i) HĐTT không xem xét đầy đủ ý kiến của bị đơn về lỗi của nguyên đơn và hoàn cảnh khó khăn do dịch bệnh Covid-19 khi buộc trả lãi chậm thanh toán;
- (ii) HĐTT không giải quyết yêu cầu của bị đơn về việc các bên tiếp tục ký Phụ lục hợp đồng số 4; và
- (iii) HĐTT thiếu khách quan khi không xem xét “ý kiến phản bác” của bị đơn.

Tuy nhiên, TAND TP.HCM đã bác toàn bộ yêu cầu vì bên yêu cầu không chứng minh được HĐTT đã vi phạm nguyên tắc gì. Các vấn đề mà bên yêu cầu nêu ra cũng thuộc nội dung tranh chấp đã được HĐTT giải quyết. Cụ thể, nhận định tương ứng của Tòa đối với các lý do bên trên như sau:

- (i) HĐTT đã áp dụng Điều 306 LTM để buộc bên vi phạm nghĩa vụ thanh toán phải chịu lãi chậm trả. Việc bị đơn gặp khó khăn trong dịch bệnh không làm mất nghĩa vụ này. Đây là vấn đề nội dung, không thuộc căn cứ hủy phán quyết;
- (ii) Bị đơn thừa nhận không nộp đơn kiện lại đúng quy định tại Điều 36 LTTTM và Điều 10 Quy tắc tố tụng V 2017, nên HĐTT không có nghĩa vụ xem xét; và
- (iii) HĐTT đã xem xét, phân tích chi tiết các lập luận của các bên (từ mục 36–44 của phán quyết), và việc đánh giá chứng cứ là nội dung thuộc thẩm quyền của HĐTT.<sup>8</sup>

#### <sup>8</sup> Nhận định của Tòa án:

“3.1 Xét lý do người yêu cầu cho rằng khi thực hiện hợp đồng cả hai bên đều có lỗi và bị đơn cũng gặp khó khăn do dịch bệnh covid nhưng Hội đồng Trọng tài buộc bị đơn phải trả lãi chậm thanh toán là không khách quan.

Nhận thấy, Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc Hội đồng trọng tài chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Bị đơn phải trả lãi chậm thanh toán là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại. Việc Bị đơn cho rằng Nguyên đơn có lỗi, hay Bị đơn gặp khó khăn trong giai đoạn dịch bệnh Covid 19 không phải là căn cứ để Bị đơn được miễn trách nhiệm trả lãi. Mặt khác việc xem xét yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thuộc về nội dung vụ tranh chấp nên căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 71 Luật Trọng tài thương mại và khoản 2 Điều 15 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét đơn không xét lại nội dung vụ tranh chấp nên việc Bị đơn cho rằng Hội đồng trọng tài không khách quan khi chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm thanh toán của nguyên đơn là không có cơ sở.

3.2. Xét lý do người yêu cầu cho rằng Hội đồng Trọng tài đã không khách quan khi chỉ xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà không xem xét yêu cầu của bị đơn về việc các bên tiếp tục thực hiện Phụ lục hợp đồng số 4.

Tại phiên họp Người yêu cầu thừa nhận chưa làm đơn kiện lại yêu cầu Hội đồng trọng tài giải quyết đối với yêu cầu các bên phải tiếp tục thực hiện Phụ lục hợp đồng số 4 vào cùng thời điểm nộp Bản tự bảo vệ theo đúng qui định tại khoản 1 Điều 10 Quy tắc tố tụng trọng tài năm 2017 của V. Do đó, việc Hội đồng Trọng tài không xem xét yêu cầu này của Bị đơn trong Vụ tranh chấp số 127/22 HCM là phù hợp với qui định tại khoản 2 Điều 36 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 quy định: “Đơn kiện lại phải được nộp cùng thời điểm nộp bản tự bảo vệ.”. Tại phiên họp người yêu cầu không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh phán quyết được lập do Trọng tài viên không khách quan, vô tư nên không chấp nhận ý kiến của Bị đơn cho rằng Hội đồng Trọng tài không vô tư, khách quan khi không xem xét yêu cầu của bị đơn.

3.3 Xét lý do người yêu cầu cho rằng Hội đồng Trọng tài đã không khách quan khi không xem xét các ý kiến phản bác của các bên.

Ở một vụ yêu cầu hủy PQTТ khác theo Quyết định số 259/2025/QĐ-PQTТ ngày 18/8/2025, người yêu cầu hủy (Bị đơn trong PQTТ) đã yêu cầu TAND TP.HCM tuyên hủy PQTТ với lý do phán quyết này đã vi phạm thời hiệu và xác định sai đối tượng tranh chấp, do đó vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

- (i) Về vấn đề thời hiệu, Hội đồng xét đơn cho rằng vì các bên đã ký biên bản xác nhận công nợ ngày 31/12/2023 với số tiền nợ cụ thể, nên đã làm phát sinh việc tính lại thời hiệu khởi kiện từ thời điểm này. Vì thế, việc Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tại trọng tài là vẫn còn trong thời hiệu trên. Mặt khác, tại quá trình tố tụng trọng tài, Bị đơn không gửi văn bản phản đối về thời hiệu và thừa nhận việc không thực hiện quyền phản đối này, nên đã mất quyền phản đối theo Điều 13 LTTTМ.
- (ii) Về đối tượng tranh chấp, Hội đồng xét đơn nhận thấy đối tượng tranh chấp đã được Nguyên đơn xác định rõ trong Đơn khởi kiện trọng tài và đã được HĐTT xem xét, đánh giá trên cơ sở chứng cứ do các bên cung cấp, được thể hiện rõ trong PQTТ. Việc các ý kiến phản đối của Bị đơn không được HĐTT chấp nhận không đồng nghĩa với việc PQTТ vi phạm pháp luật hoặc trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Ngoài các lập luận đã nêu, người yêu cầu không đưa ra thêm được căn cứ nào khác để chứng minh PQTТ thuộc trường hợp bị hủy. Do đó, các lý do yêu cầu hủy PQTТ của Bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Các quyết định khác mà TAND TP.HCM cũng không chấp nhận yêu cầu hủy PQTТ với lý do này là:

- Quyết định số 07/2024/QĐ-PQTТ ngày 25/01/2024;
- Quyết định số 10/2024/QĐ-PQTТ ngày 30/01/2024;
- Quyết định số 108/2024/QĐ-PQTТ ngày 14/6/2024;
- Quyết định số 131/2024/QĐ-PQTТ ngày 27/6/2024;
- Quyết định số 135/2024/QĐ-PQTТ ngày 04/7/2024;
- Quyết định số 224/2024/QĐ-PQTТ ngày 30/8/2024;
- Quyết định số 16/2025/QĐ-PQTТ ngày 16/01/2025
- Quyết định số 63/2025/QĐ-PQTТ ngày 18/4/2025;
- Quyết định số 84/2025/QĐ-PQTТ ngày 08/5/2025;
- Quyết định số 229/2025/QĐ-PQTТ ngày 23/7/2025;
- Quyết định số 232/2025/QĐ-PQTТ ngày 28/7/2025.

Có thể thấy rằng Tòa án đã tiếp cận yêu cầu hủy PQTТ trên cơ sở phân định rõ ràng giữa nội dung tranh chấp và các căn cứ pháp lý để hủy phán quyết. Mặc dù bên yêu cầu viện dẫn cụm từ “vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” nhưng Tòa án không chấp nhận việc các đương sự viện dẫn căn cứ này một cách tùy tiện như một lý do bao trùm để yêu cầu hủy phán

---

*Hội đồng xét đơn nhận thấy việc xem xét, đánh giá chứng cứ là thuộc về nội dung vụ tranh chấp mà Hội đồng trọng tài đã xem xét giải quyết. Các nội dung về việc xem xét yêu cầu của Nguyên đơn cũng đã được Hội đồng Trọng tài phân tích chi tiết từ Mục 36 đến Mục 44 Phán quyết Trọng tài. Ngoài ra, các ý kiến nêu trên của Bị đơn thuộc về nội dung Vụ tranh chấp căn cứ qui định tại khoản 4 Điều 71 Luật Trọng tài thương mại, Hội đồng xét đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài không xét xử lại nội dung vụ tranh chấp mà Hội đồng trọng tài đã giải quyết. Vì vậy, lý do nêu trên của người yêu cầu là không có cơ sở giải quyết”.*



quyết. Thay vào đó, Tòa có xu hướng cho rằng việc viện dẫn này thuộc về nội dung tranh chấp nên không xem xét. Ở góc độ thực tiễn, cách giải thích của Tòa góp phần ngăn chặn tình trạng bên thua kiện cố tình mở rộng phạm vi của “nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” để biến thủ tục yêu cầu hủy PQT thành một phiên phúc thẩm “trá hình” nhằm kéo dài vụ kiện đến vô tận. Việc giữ vững ranh giới này giúp đảm bảo tính ổn định, hiệu lực và hiệu quả của cơ chế giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, đồng thời phù hợp với thông lệ quốc tế về nguyên tắc ủng hộ trọng tài.

### 2.2.3. Không có căn cứ về việc Hội đồng trọng tài/Trọng tài viên thiếu khách quan

Một nhóm lập luận khác thường được nêu trong đơn yêu cầu hủy PQT là cho rằng HĐTT hoặc Trọng tài viên thiếu tính độc lập, vô tư hoặc thực hiện sai thủ tục tố tụng trọng tài. Tuy nhiên, trong hầu hết các quyết định xem xét hủy PQT của TAND TP.HCM, bên yêu cầu không chứng minh được các vi phạm này đã ảnh hưởng như thế nào đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng như không chứng minh được mối liên hệ lợi ích hay hành vi thiên vị cụ thể của Trọng tài viên.

Trong Quyết định số 08/2025/QĐST-KDTM ngày 09/01/2025, Công ty TNHH Tôn Thép M cho rằng PQT cần bị hủy vì HĐTT thiếu khách quan và có vi phạm thủ tục tố tụng. Cụ thể là có Trọng tài viên và người tham gia tố tụng thuộc cùng một tổ chức, từ đó cho rằng tồn tại xung đột lợi ích và ảnh hưởng đến tính vô tư của phán quyết. Hơn nữa, Trọng tài viên đã “ứng xử như luật sư của nguyên đơn” khi đưa ra ý kiến bảo lưu và trích dẫn quy định pháp luật theo hướng có lợi cho nguyên đơn.

TAND TP.HCM xác định rằng đây chỉ là sự nghi ngờ đơn phương của Công ty M, không đi kèm chứng cứ chứng minh mối quan hệ lợi ích hay biểu hiện thiên vị của những người liên quan. Việc Trọng tài viên có ý kiến bảo lưu là quyền độc lập, khác với các thành viên đa số của HĐTT nhằm thể hiện quan điểm của mình về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu của đương sự. Việc trích dẫn và phân tích pháp luật trong ý kiến bảo lưu là lập luận chuyên môn phục vụ cho quan điểm riêng đó, không phải là hành vi đại diện hay hỗ trợ cho bất kỳ bên nào trong tranh chấp. Công ty M không chứng minh được rằng hành vi này dẫn đến sự thiên vị hoặc ảnh hưởng đến tính vô tư, khách quan của HĐTT. Do đó, không chấp nhận yêu cầu hủy PQT của Công ty M.<sup>9</sup>

Một số quyết định khác có cùng nội dung này là:

- Quyết định số 10/2024/QĐ-PQT ngày 30/01/2024;
- Quyết định số 39/2024/QĐ-PQT ngày 18/3/2024;
- Quyết định số 131/2024/QĐ-PQT ngày 27/6/2024;
- Quyết định số 135/2024/QĐ-PQT ngày 04/7/2024;
- Quyết định số 13/2025/QĐST-KDTM ngày 14/01/2025;

<sup>9</sup> Nhận định của Tòa án:

“[3] ... Hội đồng xét đơn nhận thấy: Căn cứ khoản 2 Điều 42 Luật Trọng tài Thương mại quy định “Kể từ khi được chọn hoặc được chỉ định, Trọng tài viên phải thông báo bằng văn bản cho Trung tâm trọng tài hoặc Hội đồng trọng tài và các bên về những tình tiết có thể ảnh hưởng đến tính khách quan, vô tư của mình” Người yêu cầu Công ty M không cung cấp được chứng cứ chứng minh về sự không vô tư, độc lập khách quan hay mối quan hệ lợi ích giữa Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn với Hội đồng Trọng tài tác động đến kết quả của Phán quyết trọng tài, cũng như những căn cứ làm ảnh hưởng đến tính khách quan của phán quyết trọng tài. Nên các ý kiến trình bày nêu trên của Công ty M là không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với ý kiến của Công ty M cho rằng, theo quy định thì Trọng tài viên không được ứng xử như là Luật sư của bên nào nhưng tại bản bảo lưu ý kiến về phán quyết trọng tài của trọng tài viên đã trích dẫn quy định pháp luật thay cho nguyên đơn - về vấn đề này Hội đồng xét đơn nhận thấy: Đây là ý kiến, là căn cứ pháp luật mà Trọng tài viên đưa ra để bảo lưu ý kiến quan điểm của Trọng tài viên về việc chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của đương sự, do đó ý kiến này của Công ty M là không có cơ sở để chấp nhận”.

- Quyết định số 95/2025/QĐ-PQTT ngày 08/5/2025.

Tòa án chỉ xem xét hủy PQTT khi có chứng cứ rõ ràng về việc Trọng tài viên thiếu khách quan hoặc vi phạm thủ tục tổ tụng trọng tài. Bên yêu cầu phải chỉ ra được mối liên hệ lợi ích hoặc hành vi thiên vị cụ thể. Các vi phạm đó phải ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Trường hợp chỉ nêu nghi ngờ chủ quan mà không có tài liệu chứng minh thì không được chấp nhận. Khi không chứng minh được tác động thực tế của hành vi bị cho là vi phạm, yêu cầu hủy PQTT sẽ bị bác bỏ.

#### **2.2.4. Thỏa thuận trọng tài hợp lệ hoặc bên yêu cầu mất quyền phản đối/quyền yêu cầu hủy**

TAND TP.HCM cũng không chấp nhận yêu cầu hủy PQTT vì thỏa thuận trọng tài của các bên hoàn toàn hợp lệ, hoặc bên yêu cầu đã mất quyền phản đối thẩm quyền trọng tài. Tòa có xu hướng bảo vệ sự tồn tại và hiệu lực của thỏa thuận trọng tài khi thỏa thuận này được xác lập hợp pháp và được các bên thực hiện trong quá trình giải quyết tranh chấp. Khi đương sự đã tham gia tổ tụng trọng tài mà không kịp thời phản đối thẩm quyền, Tòa án coi quyền phản đối đã bị từ bỏ theo Điều 13 LTTTM.

Trong Quyết định số 28/2025/QĐ-PQTT ngày 13/02/2025, ông C yêu cầu hủy PQTT với ba lập luận: (i) thỏa thuận trọng tài vô hiệu do bị lừa dối khi ký hợp đồng; (ii) HĐTT không đánh giá đúng việc ngân hàng không giải ngân đầy đủ; và (iii) chứng cứ ngân hàng cung cấp có dấu hiệu giả mạo. Tòa nhận định Thỏa thuận cho vay và Hợp đồng thế chấp ký ngày 17/12/2020 đều quy định rõ tranh chấp sẽ được giải quyết tại Trung tâm trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền. Nội dung này là phù hợp với quy định tại Điều 5, Điều 16 LTTTM và điểm a khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP. Thêm vào đó, không có căn cứ chứng minh ông C bị lừa dối hay bị áp đặt khi ký kết. Do đó, việc ngân hàng khởi kiện tại V là thực hiện đúng quyền lựa chọn cơ chế giải quyết tranh chấp mà các bên đã thỏa thuận. Lập luận “thỏa thuận trọng tài vô hiệu” không được Tòa chấp nhận. Ngoài ra, đối với cáo buộc tài liệu trọng tài sử dụng là giả mạo, Tòa cho rằng ông C đã tham gia phiên họp trọng tài nhưng không phản đối chứng cứ và cũng không yêu cầu giám định chữ ký tại thời điểm đó. Điều này đồng nghĩa với việc ông C đã từ bỏ quyền phản đối thẩm quyền cũng như quyền khiếu nại về tính hợp pháp của chứng cứ. Vì vậy, căn cứ này của ông C để yêu cầu hủy PQTT là không có cơ sở chấp nhận.<sup>10</sup>

Ở một phiên xét đơn yêu cầu hủy PQTT khác được thể hiện trong Quyết định số 289/2025/QĐ-PQTT ngày 08/9/2025, người yêu cầu (Bị đơn trong PQTT) viện dẫn lý do hủy PQTT là vì việc thành lập HĐTT vi phạm thời hạn 15 ngày để hai Trọng tài viên chọn người thứ ba làm Chủ tịch HĐTT theo quy định của Quy tắc tổ tụng trọng tài. Theo văn bản giải trình của HĐTT, sau khi Trọng tài viên do Bị đơn lựa chọn được thông báo, các Trọng tài viên đã không bầu được Chủ tịch HĐTT

<sup>10</sup> **Nhận định của Tòa án:**

[2.1] Đối với lý do: - Thỏa thuận trọng tài vô hiệu do ông đã bị lừa dối khi giao kết thỏa thuận cho vay và hợp đồng thế chấp chứa đựng nhiều điều khoản giải quyết tranh chấp bằng trọng tài

Hội đồng xét đơn xét thấy:

Tại khoản 20.5 Điều 20 Thỏa thuận cho vay trung dài hạn số 203490112/TD-SCB-CNBT1 ký kết ngày 17/12/2020 và khoản 5 Điều 14 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 203490113/BĐ-SCB-CNBT1 ký kết ngày 17/12/2020 có nội dung “Mọi tranh chấp phát sinh hoặc có liên quan đến Thỏa thuận này sẽ được giải quyết tại Trung tâm T theo các tổ tụng của Trung tâm này hoặc Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật”, do đó khi SCB khởi kiện ông C, bà N tại VIFIBAR là đúng với quy định tại điểm a khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và theo quy định tại Điều 5, Điều 16 Luật thương mại.

[2.2] Đối với lý do: Chứng cứ mà Ngân hàng cung cấp liên quan đến hồ sơ giải ngân, trọng tài sử dụng tài liệu giả mạo:

... Hội đồng xét đơn xét thấy ngoài Giấy mượn tiền ngày 11/5/2020, Giấy mượn tiền ngày 03/6/2020 và Ủy nhiệm chi ngày 18/12/2020 ông C không thừa nhận chữ ký của ông thì còn các tài liệu khác như Danh mục hồ sơ tiếp nhận từ khách hàng ngày 20/10/2020 là chữ ký của ông thì trong văn bản này có liệt kê ông C nộp 02 Giấy mượn tiền là bản sao. Ông C không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh tài liệu Trọng tài sử dụng giả mạo, tại phiên họp của Trọng tài ông C không phản đối, căn cứ Điều 13 Luật Trọng tài thương mại ông C mất quyền phản đối nên Hội đồng xét đơn không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông”.

trong thời hạn quy định. Do đó, theo Quy tắc tố tụng trọng tài, Chủ tịch Trung tâm trọng tài có thẩm quyền chỉ định Chủ tịch HĐTT và đã ban hành quyết định để chỉ định một Trọng tài viên khác của Trung tâm vào vị trí này. Mặc dù biết hoặc phải biết về việc thành lập HĐTT theo thủ tục này, Bị đơn lại không đưa ra bất kỳ ý kiến phản đối nào về thủ tục tố tụng trọng tài trước thời điểm HĐTT tuyên bố mở phiên họp giải quyết vụ tranh chấp vào ngày 12/4/2025. Do đó, Hội đồng xét đơn đã căn cứ vào Điều 13 LTTT, Điều 6 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP và Quy tắc tố tụng trọng tài, nhận định Bị đơn không phản đối đúng thời hạn, nên bị xem như đã từ bỏ và mất quyền phản đối đối với thủ tục tố tụng trọng tài do HĐTT tiến hành.

Một số các quyết định khác có cùng lập luận này để không hủy PQTT là:

- Quyết định số 190/2024/QĐ-PQTT ngày 19/8/2024;
- Quyết định số 223/2024/QĐ-PQTT ngày 29/8/2024;
- Quyết định về số 51/2025/QĐ-PQTT ngày 01/4/2025;
- Quyết định về số 56/2025/QĐ-PQTT ngày 11/4/2025;
- Quyết định số 84/2025/QĐ-PQTT ngày 08/5/2025;
- Quyết định số 234/2025/QĐ-PQTT ngày 29/7/2025;
- Quyết định số 263/2025/QĐ-PQTT ngày 18/9/2025.

Theo quy định tại Điều 13 LTTT và Điều 6 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP, một phản đối bị coi là không có giá trị (mất quyền phản đối) khi thoả mãn đầy đủ các yếu tố: (i) có vi phạm theo quy định của LTTT hoặc của thỏa thuận trọng tài, (ii) bên phát hiện vi phạm biết và không phản đối trong thời hạn do luật định; (iii) và tiếp tục tham gia tố tụng trọng tài<sup>11</sup>.

Nhìn tổng thể, TAND TP.HCM bám sát vào các yếu tố này để xét việc mất quyền phản đối. Tòa án chú trọng vào giá trị ràng buộc của thỏa thuận trọng tài và cách các bên thực thi quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình giải quyết tại trọng tài. Đồng thời, các bên phải sử dụng đúng, đầy đủ và kịp thời các quyền tố tụng của mình tại trọng tài. Việc không phản đối kịp thời khi cho rằng trọng tài viên, chứng cứ hay thủ tục có vấn đề bị xem là hành vi chấp nhận, dẫn đến hậu quả mất quyền phản đối khi yêu cầu hủy PQTT. Đương sự không thể nêu lại các khiếu nại về thủ tục sau khi đã tham gia tố tụng mà không phản đối. Việc này giúp thủ tục yêu cầu hủy PQTT được vận hành trong phạm vi kiểm soát hợp pháp cần thiết, không trở thành phương thức kéo dài tranh chấp hoặc phủ nhận cơ chế trọng tài mà các bên đã lựa chọn ngay từ đầu. Tuy nhiên ở đây cũng cần minh định rằng, bên phản đối phải không tham gia tố tụng sau khi phản đối là bước đi hợp lý và tất yếu. Điều này là không đúng. Đương sự và luật sư của mình dù phản đối thẩm quyền của HĐTT hoặc một Trọng tài viên nào đó nhưng không nên bỏ tham gia phiên xử trọng tài. Sự tham gia này không phải là yếu tố đồng ý xác nhận thẩm quyền của HĐTT mà là cần thiết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi HĐTT tiếp tục phiên xử, bác khiếu nại của một bên về thẩm quyền.

## 2.2.5. Thủ tục tố tụng trọng tài được thực hiện đúng quy định

<sup>11</sup> Khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP về Mất quyền phản đối quy định tại Điều 13 LTTT

“1. Trường hợp một bên phát hiện có vi phạm quy định Luật TTTM hoặc của thỏa thuận trọng tài mà vẫn tiếp tục thực hiện tố tụng trọng tài và không phản đối với Hội đồng trọng tài, Trung tâm trọng tài những vi phạm đó trong thời hạn do Luật TTTM quy định thì thời hạn được xác định theo thỏa thuận của các bên hoặc quy tắc tố tụng trọng tài. Trường hợp các bên không thỏa thuận hoặc quy tắc tố tụng trọng tài không quy định thì việc phản đối phải được thực hiện trước thời điểm Hội đồng trọng tài tuyên phán quyết”.



Việc xem xét tính hợp lệ trong thủ tục tố tụng trọng tài luôn là yếu tố quan trọng khi Tòa án đánh giá yêu cầu hủy PQT. Trong Quyết định số 108/2024/QĐ-PQT ngày 14/6/2024, bên yêu cầu cho rằng thủ tục tố tụng trọng tài trái với quy định của LTTM vì đại diện của nguyên đơn không đủ thẩm quyền tham gia tố tụng. Cụ thể, việc ủy quyền phải cho cá nhân hoặc pháp nhân, nhưng nguyên đơn không ủy quyền cho pháp nhân, mà ủy quyền cho Chi nhánh của Công ty luật và Chi nhánh này tiếp tục ủy quyền lại (chỉ định) cho nhân sự tham gia tố tụng trọng tài cũng như ký tên trên Đơn khởi kiện là không phù hợp. Do đó, việc khởi kiện là không có căn cứ để trọng tài và HĐTT thụ lý, giải quyết.

Theo đánh giá của Tòa, đại diện của nguyên đơn đã xuất trình các giấy tờ ủy quyền hợp lệ và được hợp pháp hóa lãnh sự đầy đủ, thể hiện rõ việc cá nhân được chỉ định có quyền thay mặt nguyên đơn tham gia toàn bộ quá trình tố tụng trọng tài. Công ty R3 đã lập Giấy ủy quyền ngày 19/10/2022, trong đó chỉ định Công ty L7 (chi nhánh Công ty luật) được quyền tiến hành mọi thủ tục liên quan đến việc giải quyết tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng Bảo lãnh cá nhân ngày 17/12/2019, bao gồm quyền ủy quyền lại cho tổ chức hoặc cá nhân khác. Trên cơ sở đó, Công ty L7 đã ủy quyền lại cho ông Phạm Thanh C đại diện Công ty R3 trong vụ tranh chấp với bà Đoàn Phương L. Văn bản ủy quyền này đã được chứng nhận và hợp pháp hóa lãnh sự ngày 09/12/2022 tại Cộng hòa Singapore. Với chuỗi ủy quyền hợp lệ nêu trên, ông Phạm Thanh C có đầy đủ tư cách đại diện theo ủy quyền của Công ty R3 để ký đơn khởi kiện và tham gia tố tụng trọng tài. Do đó, việc HĐTT thụ lý đơn khởi kiện dựa trên tư cách đại diện này là phù hợp với quy định của LTTM và Quy tắc tố tụng trọng tài.

Trong một phiên xét đơn yêu cầu hủy PQT khác trong Quyết định số 240/2025/QĐ-PQT ngày 01/8/2025, người yêu cầu (Bị đơn trong PQT) cũng cho rằng thủ tục tố tụng trọng tài trái với quy định của LTTM vì Biên bản hòa giải thành không có chữ ký của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Bị đơn (luật sư) là không đảm bảo về mặt hình thức, vi phạm thủ tục tố tụng trọng tài. Tuy nhiên, Hội đồng xét đơn xét thấy: Tại phiên hòa giải, luật sư của Bị đơn đã trực tiếp tham gia, qua đó đã bảo đảm quyền lợi tư vấn pháp lý và bảo vệ tốt nhất quyền lợi của Bị đơn. Đồng thời, LTTM và Quy tắc tố tụng trọng tài chỉ yêu cầu Biên bản hòa giải thành có chữ ký của các Bên tranh chấp và các Trọng tài viên, không có quy định bắt buộc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp phải ký vào Biên bản. Do đó, việc Biên bản hòa giải thành không có chữ ký của luật sư không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Bị đơn và không vi phạm thủ tục tố tụng trọng tài. Vì vậy, lý do yêu cầu hủy PQT không có cơ sở chấp nhận.

Một số quyết định khác có yêu cầu hủy với nội dung tương tự nhưng cũng không được chấp nhận:

- Quyết định số 108/2024/QĐ-PQT ngày 14/6/2024;
- Quyết định số 223/2024/QĐ-PQT ngày 29/8/2024;
- Quyết định số 16/2025/QĐ-PQT ngày 16/01/2025;
- Quyết định số 84/2025/QĐ-PQT ngày 08/5/2025;
- Quyết định số 234/2025/QĐ-PQT ngày 29/7/2025;
- Quyết định số 257/2025/QĐ-PQT ngày 14/8/2025;
- Quyết định số 263/2025/QĐ-PQT ngày 18/9/2025;
- Quyết định số 291/2025/QĐ-PQT ngày 08/9/2025.

Khi đánh giá yêu cầu hủy PQT, Tòa án thường bắt đầu từ việc rà soát tính hợp lệ của toàn bộ

quy trình tố tụng trọng tài đã diễn ra. Các bước tố tụng như thụ lý đơn, thông báo cho các bên, xác lập tư cách đại diện, tổ chức phiên họp, thu thập và xem xét chứng cứ, ban hành phán quyết phải được thực hiện theo đúng quy định của LTTT và Quy tắc tố tụng mà các bên đã chọn. Nếu không phát hiện sai sót nào đủ mức làm hạn chế quyền trình bày, quyền bảo vệ hoặc quyền tiếp cận thông tin của các bên, Tòa án có cơ sở để nhận định thủ tục tố tụng trọng tài là hợp lệ. Việc tuân thủ đúng quy trình này chính là điều kiện quan trọng giúp PQTT được bảo đảm giá trị thi hành và tránh nguy cơ bị hủy theo yêu cầu của một bên trong tranh chấp.

## 2.2.6. Không có căn cứ về việc Hội đồng trọng tài vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện

Trong một số ít quyết định, bên yêu cầu hủy cho rằng HĐTT đã giải quyết vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện hoặc vượt quá thẩm quyền được các bên thỏa thuận trong thỏa thuận trọng tài. Chẳng hạn, trong Quyết định số 302/2025/QĐ-PQTT ngày 12/9/2025, bên yêu cầu hủy cho rằng HĐTT đã vượt quá thẩm quyền khi tuyên Thỏa thuận chia sẻ giữa các bên đương sự vô hiệu. Bởi lẽ, các đương sự thừa nhận công nợ với nhau và không có bất kỳ đương sự nào (kể cả nguyên đơn, bị đơn) có bất kỳ yêu cầu hay ý kiến nào đề nghị HĐTT xem xét lại tính pháp lý của Thỏa thuận chia sẻ. Do đó, HĐTT giải quyết là vượt quá phạm vi yêu cầu, vi phạm điểm c khoản 2 Điều 68 LTTT.

Về vấn đề này, Tòa xét thấy: Trong quá trình giải quyết tranh chấp tại trọng tài, các bên không yêu cầu HĐTT xem xét hiệu lực pháp lý của Thỏa thuận chia sẻ. Tuy nhiên, căn cứ khoản 1 Điều 4 LTTT quy định: “*Trọng tài viên phải tôn trọng thỏa thuận của các bên nếu thỏa thuận đó không vi phạm điều cấm và trái đạo đức xã hội*”. Do đó, HĐTT căn cứ các văn bản pháp luật là Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 21-4-2006 của Ủy ban nhân dân thành phố; Quyết định số 5151/QĐ-UBND ngày 30-9-2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về sử dụng đất của Công ty R1 đối với khu đất tại số F đường P, Phường G, Quận F (nay là phường B); Hợp đồng thuê đất số 226/HĐ-STNMTQLĐ ngày 09-01-2017 để xem xét và xác định Thỏa thuận chia sẻ vô hiệu mà không cần có yêu cầu của một hoặc các bên đương sự là phù hợp với các văn bản trên cũng như phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. Do đó, lập luận trên của bên yêu cầu là không có cơ sở chấp nhận.<sup>12</sup>

Khi HĐTT xem xét một vấn đề pháp lý liên quan trực tiếp đến hiệu lực của giao dịch làm phát sinh hoặc thay đổi quyền nghĩa vụ giữa các bên, thì việc đánh giá hiệu lực đó không được coi là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện. Bản chất của hoạt động giải quyết tranh chấp buộc trọng tài phải làm rõ tính hợp pháp của các thỏa thuận mà quyền lợi của các bên đang dựa vào. Chỉ trong trường hợp HĐTT tuyên xử về các quyền, nghĩa vụ hoặc vấn đề mà các bên hoàn toàn không đề cập hay không liên quan đến nội dung tranh chấp thì mới được xem là vượt thẩm quyền theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 68 LTTT. Lập luận “vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện” thường khó được chấp nhận nếu không chứng minh được sự mở rộng phạm vi giải quyết một cách độc lập, không

<sup>12</sup> **Nhận định của Tòa án:**

“[3] Xét căn cứ yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài số 304/24 HCM ngày 23-5-2025; Công ty R1 cho rằng các bên đương sự thừa nhận công nợ với nhau, không có bất kỳ đương sự nào, kể cả nguyên đơn, bị đơn có bất kỳ yêu cầu hay ý kiến nào đề nghị Hội đồng trọng tài xem xét lại tính pháp lý của Thỏa thuận chia sẻ; do đó Hội đồng trọng tài giải quyết là vượt quá phạm vi yêu cầu, vi phạm điểm c khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài Thương mại 2010; Hội đồng xét đơn nhận thấy: Mặc dù trong quá trình giải quyết tranh chấp tại trọng tài, các bên không yêu cầu Hội đồng trọng tài xem xét hiệu lực pháp lý của Thỏa thuận chia sẻ; tuy nhiên căn cứ khoản 1 Điều 4 Luật Trọng tài Thương mại quy định: “Trọng tài viên phải tôn trọng thỏa thuận của các bên nếu thỏa thuận đó không vi phạm điều cấm và trái đạo đức xã hội”. Do đó, Hội đồng trọng tài căn cứ các văn bản pháp luật là Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 21-4-2006 của Ủy ban nhân dân thành phố; Quyết định số 5151/QĐ-UBND ngày 30-9-2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về sử dụng đất của Công ty R1 đối với khu đất tại số F đường P, Phường G, Quận F (nay là phường B); Hợp đồng thuê đất số 226/HĐ-STNMT-QLĐ ngày 09-01-2017 để xem xét và xác định Thỏa thuận số: RBT-07112022 vô hiệu mà không cần có yêu cầu của một hoặc các bên đương sự là phù hợp với các văn bản trên cũng như phù hợp với quy định của Luật Đất đai 2013, Bộ luật Dân sự 2015. Công ty R1 cho rằng Hội đồng trọng tài giải quyết vượt quá thẩm quyền giải quyết, vi phạm điểm c khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài Thương mại là không có cơ sở chấp nhận”.

cần thiết và không có cơ sở từ hồ sơ tranh chấp.

### 2.3. Đánh giá chung

Thực tiễn giải quyết yêu cầu hủy PQTT của TAND TP.HCM giai đoạn 2024 – 2025 cho thấy cách tiếp cận của Tòa án nhìn chung vẫn ổn định và nhất quán, không có sự thay đổi đột biến trong tiêu chí đánh giá hay phương pháp lập luận. Tỷ lệ PQTT bị hủy có xu hướng giảm, phản ánh rõ nét hơn chủ trương ủng hộ trọng tài, qua đó góp phần giảm tải cho Tòa án và củng cố vai trò của trọng tài thương mại như một phương thức giải quyết tranh chấp chuyên biệt, với đội ngũ trọng tài viên giàu kinh nghiệm thực tiễn và am hiểu pháp luật.

Một điểm tích cực đáng ghi nhận là lập luận của Tòa ngày càng chặt chẽ, rõ ràng và có tính thuyết phục cao hơn đối với lý do hủy hoặc không hủy các PQTT. Các quyết định được ban hành thường nêu đầy đủ cơ sở pháp lý, kèm theo phân tích cụ thể lý do chấp nhận hoặc bác yêu cầu, giúp tăng tính minh bạch, thống nhất và giá trị tham chiếu cho thực tiễn.

Về nội dung xem xét, đa số các trường hợp bị hủy PQTT xuất phát từ việc áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 68 LTTTM (trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam). Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy ranh giới giữa điểm đ và điểm b khoản 2 Điều 68 LTTTM (vi phạm thủ tục tổ tụng trọng tài/không phù hợp thỏa thuận) chưa thực sự rõ ràng. Điều này dẫn đến nguy cơ làm “mở rộng” định nghĩa về vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam – vốn đã là vấn đề gây nhiều tranh luận trong giới luật gia – và dẫn đến thiếu thống nhất trong việc lựa chọn căn cứ pháp lý để tuyên hủy PQTT.

Ở chiều ngược lại, phần lớn yêu cầu hủy PQTT bị bác bỏ trong các trường hợp: (i) lập luận của bên yêu cầu thực chất đi vào nội dung tranh chấp; (ii) bên yêu cầu không cung cấp được tài liệu, chứng cứ đủ sức thuyết phục để chứng minh căn cứ hủy; (iii) mất quyền phản đối theo Điều 13 LTTTM; hoặc (iv) thủ tục trọng tài đã được tiến hành đúng quy định và bảo đảm quyền tranh tụng của các bên.

Nhìn tổng thể, Tòa án vẫn đang cố gắng giữ vững quan điểm: chỉ can thiệp khi có vi phạm thủ tục nghiêm trọng hoặc xâm phạm nguyên tắc cơ bản với ảnh hưởng thực chất đến quyền tranh tụng của các bên, và không phúc thẩm lại nội dung mà HĐTT đã xem xét và quyết định.



## PHẦN 4.

# PHÂN TÍCH VÀ ĐỐI CHIẾU CÁC CĂN CỨ HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI QUA THỰC TIỄN XÉT XỬ



## 1. Các nhóm vấn đề thường được viện dẫn làm căn cứ hủy

| STT | Vấn đề thường được viện dẫn làm căn cứ hủy                                                              | Cơ sở pháp lý                |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| 1   | Không có thỏa thuận trọng tài hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu                                         | Điểm a khoản 2 Điều 68 LTTTM |
| 2   | Thủ tục tổ tụng trọng tài không phù hợp với thỏa thuận của các bên hoặc trái với các quy định của LTTTM | Điểm b khoản 2 Điều 68 LTTTM |
| 3   | Tranh chấp không thuộc thẩm quyền của HĐTT                                                              | Điểm c khoản 2 Điều 68 LTTTM |
| 4   | PQTT trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam                                              | Điểm d khoản 2 Điều 68 LTTTM |

## 2. Các trường hợp có cùng căn cứ nhưng kết quả xét xử khác nhau

Trong thực tiễn giải quyết yêu cầu hủy PQTT của TAND TP.HCM, có nhiều vụ việc cùng viện dẫn một căn cứ hủy nhưng kết quả xét xử lại hoàn toàn khác nhau. Có quyết định hủy, có quyết định lại không hủy PQTT. Điều này thể hiện Tòa án dựa vào đánh giá cụ thể đối với chứng cứ, quá trình tổ tụng trọng tài và tác động của từng yếu tố đối với quyền, lợi ích hợp pháp của các bên. Do vậy, việc phân tích và đối chiếu các trường hợp tương phản có ý nghĩa quan trọng trong việc làm rõ tiêu chí mà Tòa án áp dụng khi xem xét yêu cầu hủy PQTT, giúp lý giải sự khác biệt trong kết quả xét xử.

Trong phạm vi dưới đây, các cặp quyết định sẽ được phân tích theo thứ tự: không hủy và hủy.

### 2.1. Căn cứ “không có thỏa thuận trọng tài”

#### 2.1.1. Quyết định số 108/2024/QĐ-PQTT ngày 14/6/2024 (không hủy phán quyết trọng tài)

Tranh chấp phát sinh giữa bà Đoàn Phương L (Bị đơn trong PQTT – Người yêu cầu hủy) và Công ty R&R (Nguyên đơn trong PQTT – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) về Thỏa Thuận Bảo Lãnh Cá Nhân. Bà L yêu cầu hủy PQTT với các lý do: (i) Trung tâm V không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp do không có thỏa thuận trọng tài; (ii) Thủ tục tổ tụng trọng tài trái với quy định của LTTTM; (iii) PQTT có nội dung không thuộc thẩm quyền của HĐTT; và (iv) PQTT trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

#### a. Lập luận của Người yêu cầu

Bà L phản đối thẩm quyền của Trung tâm V vì cho rằng không có thỏa thuận trọng tài hợp pháp và bà không tham gia đàm phán qua email. Các tài liệu mà Công ty R&R xuất trình chỉ là bản in, không có bản chính hoặc bản sao chứng thực và không thể hiện rõ nguồn gốc. Bà L cho rằng chuỗi email được lập vi bằng cũng không chứng minh được ý chí của bà trong việc đàm phán hoặc chấp thuận thỏa thuận trọng tài, vì không có email nào do chính bà gửi thể hiện sự đồng ý. Đồng thời, việc trao đổi trong chuỗi email được thực hiện bởi những người không được ủy quyền từ bà L, nên không làm phát sinh thỏa thuận trọng tài ràng buộc đối với bà. Trong suốt quá trình tổ tụng trọng tài, bà cũng đã nhiều lần phản đối thẩm quyền nhưng không được xem xét thỏa đáng.

#### b. Nhận định của Tòa án

TAND TP.HCM xác định có cơ sở chứng minh sự tồn tại của thỏa thuận trọng tài giữa các bên. Theo tài liệu do Công ty R&R cung cấp và được lập vi bằng, quá trình trao đổi qua email thể hiện

việc gửi và nhận bản dự thảo Thỏa Thuận Bảo Lãnh Cá Nhân có điều khoản trọng tài, trong đó trang chữ ký có đầy đủ chữ ký của bà L. Tòa cho rằng giao dịch được thực hiện phù hợp với quy định của Luật Giao dịch điện tử 2005 về giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu.

Bên cạnh đó, Biên bản họp cổ đông và Nghị quyết có chữ ký của bà L cũng thể hiện việc bà từng xác nhận sự tồn tại của thỏa thuận này. Ngoài ra, trong Bản tự bảo vệ trước đây trong một vụ kiện khác có liên quan đến cùng Hợp Đồng Vay và Thỏa Thuận Bảo Lãnh Cá Nhân, bà L đã thừa nhận thẩm quyền của Trung tâm trọng tài V, nên việc phủ nhận sau đó là không có cơ sở.

Theo các căn cứ này, Tòa án kết luận Trung tâm V có thẩm quyền giải quyết tranh chấp và không chấp nhận lý do hủy PQTТ này của bà L.

*c. Bình luận*

Như vậy, Tòa án đã dựa trên chứng cứ về chữ ký của bà L trong Thỏa Thuận Bảo Lãnh Cá Nhân, các thư điện tử trao đổi về nội dung của Thỏa Thuận Bảo Lãnh Cá Nhân đã được lập vi bằng, cùng với những tài liệu nội bộ thể hiện bà L có tham gia xác lập và biết về nội dung giao dịch để kết luận rằng thỏa thuận trọng tài tồn tại và có hiệu lực. Bên cạnh đó, Hội đồng xét đơn cũng tham chiếu đến một vụ trọng tài trước đây có tình tiết và bản chất tương tự, cùng các tài liệu giao dịch liên quan, để củng cố nhận định rằng bà L đã từng thể hiện sự đồng ý với thỏa thuận trọng tài, qua đó xác định có thỏa thuận trọng tài và Trung tâm V là cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Việc viện dẫn một vụ việc khác có liên quan làm căn cứ lập luận là cách tiếp cận hợp lý, giúp củng cố lập luận, tạo sự thống nhất trong hướng xét xử và tháo gỡ những điểm còn vướng mắc của vụ việc hiện tại. Do đó, mặc dù mỗi tranh chấp cần được xem xét độc lập dựa trên chứng cứ và ý chí của các bên tại thời điểm giao kết cụ thể, song những tình tiết, phán quyết và lập luận từ các vụ án liên quan vẫn có giá trị tham khảo quan trọng, góp phần giúp bảo đảm tính thống nhất trong cách hiểu và áp dụng pháp luật.

**2.1.2. Quyết định số 178/2024/QĐ-PQTТ ngày 08/8/2024 (hủy phán quyết trọng tài)**

Tranh chấp phát sinh giữa Công ty Cổ phần Tổng hợp Q (Bị đơn trong PQTТ – Người yêu cầu hủy) và ông Nguyễn Phúc T (Nguyên đơn trong PQTТ – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) về Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp cổ phần số 03/HĐCNCP.20 ngày 22/12/2020. Hợp đồng ban đầu thỏa thuận Tòa án là cơ quan giải quyết tranh chấp. Sau đó, Ông T đơn phương gửi văn bản đề xuất đưa vụ việc ra Trung tâm Trọng tài T và ấn định nếu Công ty Q không có ý kiến trong 30 ngày sẽ gửi hồ sơ đến Trung tâm Trọng tài T. Trung tâm Trọng tài T căn cứ việc Công ty Q không phản đối trong 30 ngày để xác định có thỏa thuận trọng tài và giải quyết tranh chấp.

*a. Lập luận của Người yêu cầu*

Công ty Q cho rằng tranh chấp phải do Tòa án giải quyết theo đúng thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp. Văn bản đề xuất thỏa thuận ngày 04/5/2023 của ông T chỉ là đề xuất đơn phương, việc đặt thời hạn 30 ngày để mặc nhiên xem như đồng ý là không có cơ sở. Công ty Q đã phản đối thẩm quyền trọng tài trong thời hạn luật định sau khi nhận được thông báo và đơn kiện từ Trung tâm Trọng tài T. Việc Công ty Q vẫn tham gia tố tụng và chọn trọng tài viên được thực hiện theo Quy tắc tố tụng và điều này không làm mất quyền phản đối. Do vậy, không tồn tại thỏa thuận trọng tài và cần hủy PQTТ theo điểm a khoản 2 Điều 68 LTTM.

*b. Nhận định của Tòa án*

Tòa án xác định Văn bản đề xuất thỏa thuận ngày 04/5/2023 chỉ thể hiện ý kiến một phía của ông T và không phải là trao đổi về đơn kiện, bản tự bảo vệ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 16



LTTTM.<sup>13</sup> Việc ông T tự đặt thời hạn 30 ngày để coi là sự chấp thuận của Công ty Q cũng được xác định là hành vi đơn phương. Về phía Công ty Q, sau khi nhận được Thông báo của Trung tâm Trọng tài T kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Công ty Q đã nộp văn bản phản đối thẩm quyền giải quyết trọng tài vào ngày 24/7/2023. Việc Công ty Q phản đối thẩm quyền là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP. Bên cạnh đó, việc Công ty Q tham gia tố tụng và chọn trọng tài viên không làm mất đi quyền phản đối thẩm quyền trọng tài của Công ty Q và không thể suy diễn thành việc chấp nhận thẩm quyền trọng tài.

Dựa vào những phân tích trên, Tòa án kết luận không có căn cứ để xác định thỏa thuận trọng tài đã được xác lập giữa ông T và Công ty Q thay thế thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng số 03 về giải quyết tranh chấp tại Tòa án. Do đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của Công ty Q về việc hủy PQT.

### c. Bình luận

Như vậy trong vụ việc này, Tòa án cho rằng việc Công ty Q im lặng trước văn bản đề xuất của ông T không thể được xem như là “không phủ nhận thỏa thuận trọng tài” theo điểm đ khoản 2 Điều 16 LTTTM. Nhận định này là có cơ sở, vì điều luật yêu cầu phải có trao đổi về đơn kiện và bản tự bảo vệ. Có nghĩa là các bên phải thực sự bước vào quá trình tố tụng trọng tài và trong tài liệu phản hồi đó bên bị kiện không phủ nhận việc có thỏa thuận trọng tài. Trường hợp ở đây chỉ có một đề nghị đơn phương, chưa có đơn kiện gửi Trọng tài, chưa có bản tự bảo vệ của Công ty Q và thời hạn 30 ngày cũng do ông T tự ấn định.

Việc suy diễn rằng “im lặng tức là đồng ý” trong vụ việc này sẽ mở rộng quá mức phạm vi áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 16 LTTTM, đồng thời gây rủi ro khi chỉ cần một bên chủ động gửi đề nghị trọng tài kèm thời hạn mặc nhiên chấp thuận là có thể thay thế thỏa thuận ban đầu chọn Tòa án. Do đó, đánh giá của Tòa án là hợp lý vì bảo đảm nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự về ý chí tự nguyện và thỏa thuận rõ ràng khi lựa chọn trọng tài.

## KẾT LUẬN

Trong cả hai vụ việc, đương sự đều viện dẫn căn cứ “không có thỏa thuận trọng tài”. Tuy nhiên, cách Tòa án đánh giá ý chí thỏa thuận trọng tài là có sự khác biệt bởi những tình tiết khách quan khác nhau. Trong vụ việc thứ nhất (Quyết định số 108/2024/QĐ-PQT – không hủy PQT), Tòa án chấp nhận thẩm quyền trọng tài trên cơ sở các tài liệu thể hiện quá trình giao kết và thực hiện giao dịch, bao gồm trang chữ ký của người bảo lãnh, chuỗi thư điện tử được lập vi bằng và các tài liệu nội bộ có liên quan, quan trọng rằng vụ việc thể hiện rằng có sự trao đổi giữa các bên liên quan.

Trong vụ việc thứ hai (Quyết định số 178/2024/QĐ-PQT – hủy PQT), Tòa án yêu cầu phải có sự thể hiện rõ ràng và thống nhất ý chí của thỏa thuận trọng tài. Văn bản đề xuất của ông T được khẳng định là hành vi đơn phương, không có sự tham gia thảo luận của bên còn lại không đáp ứng điều kiện của điểm đ khoản 2 Điều 16 LTTTM (mất quyền phản đối) do chưa phát sinh đơn kiện, bản tự bảo vệ và thời hạn 30 ngày cũng không do hai bên thống nhất. Tòa án cũng không xem việc tham gia tố tụng hoặc im lặng ở giai đoạn trước đó là cơ sở để xác định ý chí chấp thuận thỏa

<sup>13</sup> Nội dung văn bản ngày 04/5/2023 ghi nhận: “Việc chọn tranh tụng tại Tòa án rõ ràng không có lợi cho các bên. Bản thân tôi rất thấu hiểu và vì vậy nên tôi đề xuất với Ông đưa vấn đề này ra Trung tâm Trọng tài T để được hỗ trợ làm rõ và giải quyết một cách khách quan; sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày gửi văn bản này, nếu Quý Công ty không có ý kiến khác, chúng ta sẽ gửi hồ sơ đến T để giải quyết...”. Nội dung văn bản này không phải là trao đổi về đơn kiện và bản tự bảo vệ mà chỉ là ý kiến một phía của ông T đề xuất đưa vấn đề ra Trung tâm Trọng tài T giải quyết. Đồng thời trong văn bản ông T cũng ghi nhận “chúng ta sẽ gửi hồ sơ đến Trung tâm Trọng tài T để giải quyết”. Nhưng thực tế ông T hành động đơn phương không có ý kiến của Công ty Q. Và thời hạn 30 ngày nêu trong văn bản cũng là hành động đơn phương do ông T tự ấn định.

thuận trọng tài.

Như vậy, Tòa án áp dụng cách tiếp cận khác nhau tùy vào mức độ rõ ràng của chứng cứ về ý chí thỏa thuận. Trường hợp có tài liệu và hành vi thể hiện sự đồng thuận thì thỏa thuận trọng tài được công nhận; ngược lại, khi bằng chứng chỉ xuất phát từ ý chí đơn phương hoặc suy đoán thì Tòa án không chấp nhận xem đó là thỏa thuận trọng tài hợp lệ.

## 2.2. Căn cứ “phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”

### 2.2.1 Quyết định số 16/2025/QĐ-PQTT ngày 16/01/2025 (không hủy phán quyết trọng tài)

Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng giữa Công ty Cổ phần X (Bị đơn trong PQTT – Người yêu cầu hủy) và Công ty Cổ phần T3 (Nguyên đơn trong PQTT – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) về nghĩa vụ thanh toán sau khi hai bên thỏa thuận ngừng thi công.

#### a. *Lập luận của Người yêu cầu*

Công ty X yêu cầu hủy vì PQTT vi phạm nguyên tắc cơ bản về đối xử công bằng, bình đẳng; về tự do, tự nguyện cam kết, tôn trọng thỏa thuận của các bên. Cụ thể, HĐTT áp dụng lãi suất chậm trả 10% là không đúng thỏa thuận của các bên. Công ty X và Công ty T3 đã thỏa thuận tiền lãi sẽ được tính theo lãi suất cho vay của Ngân hàng V1 tại thời điểm chậm thanh toán.

#### b. *Nhận định của Tòa án*

Tòa án bác bỏ lập luận của Công ty X về việc HĐTT áp dụng sai lãi suất.

PQTT tuyên trường hợp Công ty X chậm thanh toán số tiền còn thiếu và phí trọng tài cho Công ty T3 thì phải trả thêm tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm. Tuy nhiên, khoản 14.8 Điều kiện riêng Hợp đồng quy định tiền lãi được tính “theo lãi suất cho vay của Ngân hàng V1 thời điểm chậm thanh toán”.

Theo quy định Điều 306 LTM, trường hợp chậm thanh toán thì phải chịu lãi suất quá hạn trung bình của 03 ngân hàng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Công ty X cho rằng HĐTT vi phạm nguyên tắc cơ bản về tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận của các bên, nhưng Công ty X không đưa ra lãi suất của Ngân hàng V1 là bao nhiêu %/năm. Mặt khác, lãi suất 10%/năm trong PQTT là có lợi cho Công ty X nên trình bày của Công ty X không có cơ sở chấp nhận.

Do đó, Tòa án không chấp nhận yêu cầu hủy PQTT của Công ty X.

#### c. *Bình luận*

Vấn đề tính lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là nội dung của vụ tranh chấp, trên thực tế, rất nhiều quyết định của Tòa án nhân dân TP. HCM bác yêu cầu hủy PQTT vì cho rằng đây là nội dung tranh chấp và Tòa án không xem xét lại.

Trong vụ việc nêu trên, Tòa án cho rằng việc HĐTT áp dụng mức lãi suất 10%/năm không làm ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Công ty X, vì Công ty X không chứng minh được lãi suất cho vay của Ngân hàng V1 tại thời điểm chậm thanh toán là thấp hơn. Nhận định này có phần phù hợp với nguyên tắc “bên đưa ra yêu cầu phải có nghĩa vụ chứng minh” (theo quy định của BLTTDS). Tuy nhiên, lập luận này vẫn chưa thật sự thuyết phục. Tòa án khẳng định mức lãi suất 10%/năm “có lợi” cho Công ty X, nhưng sẽ cụ thể và thuyết phục hơn nếu Tòa án thu thập hoặc yêu cầu các bên cung cấp mức lãi suất theo thỏa thuận để làm căn cứ đối chiếu hay so sánh cụ thể.

Hơn nữa, vấn đề cốt lõi mà Công ty X nêu ra không chỉ là mức lãi suất cao hay thấp, mà là việc

HĐTT phải tôn trọng thỏa thuận của các bên về phương pháp xác định lãi suất. Việc bỏ qua thỏa thuận này có thể được xem là can thiệp vào quyền tự do thỏa thuận hợp đồng theo Điều 3 BLDS 2015 – là căn cứ xem như “trái với các nguyên tắc cơ bản” để hủy PQTT và được Tòa án áp dụng trong nhiều vụ việc khác. Hoặc Tòa án có thể lý luận rằng vấn đề này thuộc về nội dung tranh chấp và không xem xét khi giải quyết yêu cầu hủy PQTT.

### 2.2.2. Quyết định số 267/2025/QĐ-PQTT ngày 22/8/2025 (hủy phán quyết trọng tài)

Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng không dùng vốn nhà nước giữa Công ty X2 (Bị đơn trong PQTT – Người yêu cầu hủy) và Công ty C1 (Nguyên đơn trong PQTT – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan). Công ty X2 yêu cầu hủy vì PQTT trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam do HĐTT đã áp dụng chế tài phạt vi phạm không đúng thỏa thuận và không đúng pháp luật.

#### a. Lập luận của Người yêu cầu

Công ty X2 cho rằng HĐTT căn cứ vào khoản 2 Điều 146 Luật Xây dựng (chỉ áp dụng cho công trình vốn nhà nước) để áp dụng mức phạt 12% trên tổng giá trị Hợp đồng là không đúng quy định. Công trình giữa Công ty X2 và Công ty C1 không sử dụng vốn nhà nước nên không thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định này. Công ty X2 đã nhiều lần nêu quan điểm và đề nghị HĐTT áp dụng Luật Thương mại, nhưng HĐTT vẫn áp dụng Luật Xây dựng để giải quyết mà không nhận định hợp lý là đã áp dụng sai điều luật, sai đối tượng điều chỉnh. Bên cạnh đó, theo các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam được quy định tại Điều 301 Luật Thương mại, mức phạt vi phạm phải được tính trên “giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm” chứ không phải tổng giá trị Hợp đồng. Ngoài ra, HĐTT đã không xem xét thỏa thuận trong Hợp đồng quy định rằng nếu một phần công trình được nghiệm thu, thiệt hại do chậm trễ hoàn thành công việc của các phần còn lại sẽ được giảm bớt theo tỷ lệ. Điều này là sự tùy tiện trong việc diễn giải và ràng buộc trách nhiệm, dẫn đến kết quả không công bằng, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty X2. Do đó, đề nghị TAND TP.HCM hủy PQTT của Trung tâm T2 về tranh chấp giữa Công ty X2 và Công ty C1.

#### b. Nhận định của Tòa án

Tòa án nhận định rằng HĐTT đã vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật quy định tại Điều 2, Điều 8 Hiến pháp 2013; Điều 3, Điều 6 BLDS 2015; và Điều 4 LTTTM. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, tại phiên họp, đại diện hợp pháp của Công ty X2 và Công ty C1 đều xác nhận rằng Hợp đồng thi công xây dựng giữa các bên ký ngày 06/4/2021 và các phụ lục kèm theo không sử dụng nguồn vốn nhà nước. Hợp đồng gồm nhiều hạng mục thi công và các bên đã thống nhất cơ chế nghiệm thu từng phần: khi Công ty X2 hoàn thành phần việc nào, Công ty C1 sẽ ký biên bản nghiệm thu và thanh toán cho phần việc đó. Điều 14.2 Hợp đồng quy định rằng khi một phần công trình được nghiệm thu thì các thiệt hại do chậm trễ ở phần còn lại của cùng hạng mục sẽ được giảm theo tỷ lệ giá trị phần đã nghiệm thu trong tổng giá trị công việc. Quy định này chỉ áp dụng đối với thiệt hại do chậm tiến độ hàng ngày theo khoản 7.7 của Hợp đồng. Như vậy, các bên đã thỏa thuận rõ ràng khi có nghiệm thu từng phần thì phần thiệt hại phải được giảm trừ tương ứng. Tuy nhiên, HĐTT lại chấp nhận yêu cầu của Công ty C1 về việc áp dụng mức phạt 12% trên tổng giá trị Hợp đồng mà không xem xét thỏa thuận này. Việc làm đó đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty X2, trái với nguyên tắc tôn trọng thỏa thuận và bảo vệ quyền, lợi ích của chủ thể trong giao dịch dân sự được quy định tại khoản 4 Điều 3 BLDS 2015.

Thứ hai, theo điểm đ khoản 2 Điều 14 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP, Tòa án sẽ chỉ hủy PQTT khi phán quyết đó vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam và sự vi phạm này ảnh



hưởng trực tiếp, nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các bên. Việc áp dụng mức phạt 12% trên tổng giá trị hợp đồng như trên là không đúng thỏa thuận và dẫn đến xâm phạm quyền lợi của Công ty X2. Do đó, ý kiến của Công ty X2 về việc HĐTT vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam là có căn cứ để chấp nhận.

**c. Bình luận**

Nhận định của Tòa án tập trung vào vấn đề chính mà được xem là ảnh hưởng nghiêm trọng đến và trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp là việc HĐTT đã không tuân theo thỏa thuận liên quan đến chế tài phạt vi phạm của các bên.

Theo đó, Tòa án phân tích các điều khoản trong Hợp đồng, đặc biệt là quy định về nghiệm thu từng phần và cơ chế giảm trừ thiệt hại khi đã có nghiệm thu một phần công trình. Theo Tòa, việc HĐTT áp dụng mức phạt dựa trên tổng giá trị Hợp đồng mà không xét đến thỏa thuận này là chưa phản ánh đầy đủ ý chí của các bên khi ký kết hợp đồng. Phần nhận định này của Tòa tập trung vào sai sót về áp dụng pháp luật và diễn giải hợp đồng, mà những vấn đề này đôi khi được coi là thuộc quyền tự định đoạt và đánh giá của HĐTT. Việc xem xét chúng như vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật cần được cân nhắc chặt chẽ nhằm cân bằng với nguyên tắc hạn chế can thiệp vào nội dung của PQT.

Từ các lập luận trên, Tòa kết luận rằng PQT đã vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam trong việc bảo đảm và tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể nên quyết định hủy PQT. Nhìn chung, lập luận của TAND TP.HCM là có cơ sở để đánh giá PQT chưa phản ánh đúng thỏa thuận hợp đồng và quy định pháp luật áp dụng, nên cần được hủy để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên. Tuy nhiên, hai vụ việc được đề cập lại cho thấy sự thiếu thống nhất trong cách diễn giải thỏa thuận của các bên. Cùng là tình huống liên quan đến việc hiểu và áp dụng các điều khoản về phạt vi phạm và lãi suất chậm thanh toán, nhưng các HĐTT trong hai vụ đều không tuân theo thỏa thuận cụ thể của các bên. Hội đồng xét đơn lại đưa ra nhận định khác nhau, dẫn đến hai kết quả hoàn toàn trái ngược. Điều này phần nào cho thấy sự khác biệt trong cách tiếp cận và áp dụng pháp luật, cũng như nhu cầu cần có sự thống nhất hơn trong việc giải thích và đánh giá hiệu lực của các thỏa thuận dân sự, thương mại tương tự.

## KẾT LUẬN

Cả hai vụ việc trên đều viện dẫn căn cứ “Phán quyết trái trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” để phản đối việc áp dụng chế tài phạt vi phạm hợp đồng. Sự đối lập trong kết quả xét xử đã làm rõ tiêu chí và giới hạn can thiệp của Tòa án đối với các sai sót về áp dụng pháp luật của HĐTT.

Trong vụ việc thứ nhất (Quyết định số 16/2025/QĐ-PQT – không hủy PQT), Tòa án đã áp dụng nguyên tắc “lợi ích hợp pháp” để bác bỏ yêu cầu hủy. Mặc dù Công ty X đã chỉ ra rằng HĐTT đã không tôn trọng thỏa thuận về lãi suất (tính theo lãi suất của một ngân hàng cụ thể), Tòa án nhận định rằng việc áp dụng mức lãi suất 10%/năm trong PQT là mức “có lợi cho Công ty X”. Do Công ty X không chứng minh được mức lãi suất thỏa thuận thấp hơn mức 10%/năm và quyền lợi không bị xâm phạm, HĐTT được xem là không vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc cơ bản.

Trong vụ việc thứ hai (Quyết định số 267/2025/QĐ-PQT – hủy PQT), Tòa án đã can thiệp do xác định sự vi phạm gây tổn thất nghiêm trọng và rõ ràng cho bên đương sự. Cụ thể, việc HĐTT áp dụng mức phạt 12% trên “tổng giá trị Hợp đồng” mà không xem xét thỏa thuận giảm trừ thiệt hại khi đã có nghiệm thu từng phần là hành vi vi phạm nguyên tắc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể trong giao dịch. Tòa án kết luận việc này đã xâm phạm nghiêm trọng quyền lợi

của Công ty X2 và trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

*Ranh giới mong manh giữa việc “xem xét tính vi phạm nguyên tắc cơ bản” và “xét xử lại nội dung vụ tranh chấp”*

Khi xem xét yêu cầu hủy PQTТ với căn cứ “Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”, Tòa án đối mặt với rủi ro vi phạm khoản 4 Điều 71 LTTTМ:

*“4. Khi xét đơn yêu cầu, Hội đồng xét đơn yêu cầu căn cứ vào các quy định tại Điều 68 của Luật này và các tài liệu kèm theo để xem xét, quyết định; không xét xử lại nội dung vụ tranh chấp mà Hội đồng trọng tài đã giải quyết”.*

Nguyên tắc “không xét xử lại nội dung vụ tranh chấp” là một giới hạn cứng, nhằm bảo vệ tính chung thẩm của PQTТ. Do đó, Tòa án cần phải cân trọng khi xét đơn đối với yêu cầu này. Sự khác biệt nằm ở mục đích và phạm vi của sự xem xét.

Xét xử lại nội dung vụ tranh chấp là khi Tòa án đánh giá lại chứng cứ, diễn giải lại điều khoản hợp đồng hoặc xác định lại quyền, nghĩa vụ của các bên, tức là thay thế vai trò của HĐTT. Mục đích của việc này là xác định lại bản chất và kết quả của tranh chấp giữa các bên. Đây là phạm vi mà LTTTМ cấm, vì nếu làm vậy thì phán quyết của trọng tài không còn giá trị chung thẩm nữa.

Trong khi đó, “xem xét PQTТ có vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam hay không” là việc Tòa án kiểm tra tính hợp pháp của phán quyết trên bình diện nguyên tắc, mà không đi sâu vào bản chất tranh chấp. Mục tiêu của hoạt động này là bảo đảm PQTТ không xâm phạm những giá trị nền tảng của pháp luật Việt Nam. Chẳng hạn như nguyên tắc tự do thỏa thuận, bình đẳng giữa các bên; quyền được bảo vệ hợp pháp; nguyên tắc thiện chí, trung thực; bảo vệ trật tự công...

Trong nhiều trường hợp, để đánh giá một phán quyết có vi phạm nguyên tắc cơ bản hay không, Tòa án buộc phải đọc lại hồ sơ, xem xét lập luận của HĐTT hoặc nội dung thỏa thuận của các bên. Tuy nhiên, việc “xem xét” này chỉ nhằm mục đích đối chiếu với nguyên tắc cơ bản chứ không phải để xác định lại kết quả của vụ tranh chấp. Nói cách khác, Tòa án có thể “nghiên cứu nội dung” nhưng không được “xét xử lại nội dung”. Ví dụ, nếu Tòa án chỉ kiểm tra xem HĐTT có bảo đảm quyền tranh tụng bình đẳng hay có áp dụng sai quy định pháp luật bắt buộc hay không, thì đó là xem xét tính vi phạm nguyên tắc cơ bản. Nhưng nếu Tòa án đi xa hơn, đưa ra kết luận rằng HĐTT “đánh giá sai chứng cứ” hoặc “áp dụng pháp luật chưa hợp lý”, thì đó lại là xét xử lại vụ tranh chấp.

Ví dụ: Trong Quyết định số 267/2025/QĐ-PQTТ, Tòa án không tự mình đánh giá lại khối lượng công việc, tính toán lại tỷ lệ chậm tiến độ hay xác định mức phạt vi phạm thực tế mà Công ty X2 phải chịu. Thay vào đó, Tòa án chỉ tập trung vào việc HĐTT đã hoàn toàn bỏ qua thỏa thuận tại khoản 14.2 Điều kiện riêng Hợp đồng về cơ chế giảm trừ thiệt hại theo tỷ lệ phần đã được nghiệm thu. Sự vi phạm này bị Tòa án kết luận là đã xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty X2, trái với nguyên tắc tôn trọng thỏa thuận và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể tham gia giao dịch dân sự. Như vậy, Tòa án không thay thế kết luận của HĐTT về mức phạt vi phạm, mà chỉ kiểm tra xem phương thức ra phán quyết có tuân thủ các nguyên tắc pháp luật cơ bản hay không.

Như vậy, có thể hiểu rằng, “xem xét tính vi phạm nguyên tắc cơ bản” là hoạt động kiểm soát giới hạn, chỉ nhằm bảo đảm PQTТ không đi ngược lại những nguyên tắc pháp lý cơ bản của pháp luật Việt Nam, trong khi “xét xử lại nội dung” là hành vi thay thế vai trò của trọng tài để định đoạt lại quyền và nghĩa vụ của các bên. Việc duy trì ranh giới này là điều kiện cần thiết để bảo vệ tính độc lập và hiệu lực chung thẩm của cơ chế trọng tài.

**2.3. Căn cứ “phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”, cụ thể “vi phạm nguyên tắc bình đẳng, khách quan và vô tư trong việc đánh giá và sử dụng chứng cứ”**

**2.3.1. Quyết định số 233/2025/QĐ-PQTT ngày 29/7/2025 (không hủy phán quyết trọng tài)**

Tranh chấp giữa Công ty B (Bị đơn trong PQTT – Người yêu cầu hủy) và Công ty M (Nguyên đơn trong PQTT – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) liên quan đến Hợp Đồng Hợp Tác Phát Triển Dự Án. Người yêu cầu là Công ty B đã gửi đơn yêu cầu hủy PQTT đến TAND TP.HCM với nhiều lý do: (1) PQTT vi phạm các nguyên tắc cơ bản; (2) PQTT vượt phạm vi yêu cầu khởi kiện. Đặc biệt về lập luận cho việc PQTT trái với các nguyên tắc cơ bản, Công ty B đã viện dẫn các cơ sở để chứng minh rằng HĐTT đã vi phạm nguyên tắc bình đẳng, khách quan và vô tư trong việc đánh giá và sử dụng chứng cứ đồng thời không xem xét yêu cầu triệu tập người làm chứng, tương tự như lập luận của Người yêu cầu trong Quyết định số 197/2025/QĐ-PQTT ngày 26/6/2025 (hủy PQTT).

**a. Lập luận của Người yêu cầu**

Để chứng minh rằng HĐTT đã vi phạm các nguyên tắc bình đẳng, khách quan và vô tư trong việc đánh giá, sử dụng chứng cứ cũng như trong việc không xem xét yêu cầu triệu tập người làm chứng, Công ty B đã đưa ra các lập luận sau đây:

- Thứ nhất, HĐTT đã áp dụng tiêu chuẩn đánh giá hành vi vi phạm hợp đồng không thống nhất giữa các bên, thể hiện dấu hiệu vi phạm nguyên tắc thiện chí, trung thực trong hoạt động thương mại, đồng thời không tuân thủ các cam kết và thỏa thuận đã được các bên xác lập. Cụ thể, HĐTT đã chấp nhận toàn bộ các trình bày của Công ty M mà không yêu cầu Nguyên đơn cung cấp chứng cứ để chứng minh cho các trình bày đó. Trong khi đó, với trình bày của Công ty M, HĐTT lại yêu cầu Công ty B phải chứng minh, nhưng sau khi Công ty B đã cung cấp tài liệu, chứng cứ thì HĐTT không xem xét, đánh giá các nội dung phản hồi này một cách khách quan và đầy đủ.
- Thứ hai, Công ty B đã có văn bản kiến nghị HĐTT triệu tập người làm chứng là Công ty A nhằm lấy lời khai và đối chiếu các tài liệu, chứng cứ liên quan, do Công ty A là bên đã tham gia ký kết các văn bản thỏa thuận liên quan trực tiếp đến việc thực hiện Hợp đồng Hợp tác Phát triển Dự án. Tuy nhiên, HĐTT đã không chấp nhận yêu cầu triệu tập người làm chứng, đồng thời không đưa ra bất kỳ giải thích hoặc lý do nào cho việc không chấp nhận kiến nghị này.

**b. Nhận định của Tòa án**

Hội đồng xét đơn đã phản bác các trình bày của Công ty B và không đồng ý với yêu cầu hủy PQTT với lý do liên quan đến “trái các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” như sau:

- Về lập luận HĐTT đã áp dụng tiêu chuẩn đánh giá hành vi vi phạm hợp đồng không thống nhất giữa các bên, Hội đồng xét đơn cho rằng Người yêu cầu – Công ty B không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc HĐTT đã vi phạm nguyên tắc thiện chí, trung thực trong hoạt động thương mại, cũng như vi phạm cam kết và thỏa thuận của các bên. Ngoài ra, các lập luận của Công ty B đến việc xem xét tài liệu, chứng cứ của HĐTT thuộc về nội dung của vụ việc nên Hội đồng xét đơn không xem xét.
- Còn về lập luận không triệu tập người làm chứng mà không giải thích lý do, Hội đồng xét đơn đã viện dẫn Biên bản phiên họp giải quyết vụ tranh chấp, Điều 13 LTTTM và khoản 4



Điều 38, Quy tắc V để chứng minh cho việc “mất quyền phản đối”. Cụ thể, tại Biên bản phiên họp, “các bên xác nhận đồng ý với toàn bộ trình tự, thủ tục tố tụng trọng tài được công bố tại phiên họp ... Các bên đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không yêu cầu HĐTT tiến hành thêm các thủ tục nào khác ... các bên đề nghị HĐTT căn cứ vào đây và căn cứ vào hồ sơ, tài liệu hiện có để ban hành Phán quyết ... Các bên không còn bất kỳ ý kiến, tài liệu nào để cung cấp và phiên họp này là phiên họp cuối cùng ...”.

Do đó, Hội đồng xét đơn đã xác định Công ty B không có bất kỳ ý kiến phản đối hay khiếu nại về việc HĐTT không thực hiện yêu cầu triệu tập người làm chứng là Công ty A trước khi HĐTT mở phiên họp cuối cùng là mất quyền phản đối.

**c. Bình luận**

Trong vụ việc này, có thể thấy Tòa án tiếp tục duy trì lập trường nhất quán là hạn chế tối đa việc can thiệp vào nội dung xét xử của HĐTT, đồng thời áp dụng nguyên tắc “mất quyền phản đối” một cách chặt chẽ và mang tính quyết định khi xem xét yêu cầu hủy PQTT. Trên cơ sở đó, Tòa án đã không đi sâu đánh giá việc HĐTT có hay không vi phạm nghĩa vụ xem xét yêu cầu triệu tập người làm chứng, mà tập trung vào việc Người yêu cầu đã không tiếp tục khiếu nại hoặc bảo lưu ý kiến phản đối trước thời điểm kết thúc tố tụng trọng tài, dẫn đến việc “mất quyền phản đối”.

Theo chúng tôi, cách tiếp cận này đặt ra một vấn đề pháp lý đáng bàn luận: liệu việc một bên đã có văn bản chính thức yêu cầu HĐTT triệu tập người làm chứng trong quá trình tố tụng, nhưng sau đó không thực hiện hành vi khiếu nại riêng biệt về việc HĐTT không chấp nhận yêu cầu đó, có thể mặc nhiên bị coi là “mất quyền phản đối” hay không? Do đó, ranh giới giữa việc “mất quyền phản đối” và việc “quyền tố tụng không được xem xét đầy đủ” là rất mong manh trong thực tiễn trọng tài. Điều này đòi hỏi bên đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự không chỉ dừng lại ở việc thực hiện đầy đủ các quyền tố tụng một cách hình thức, mà còn phải có tầm nhìn bao quát toàn bộ tiến trình giải quyết tranh chấp, chủ động dự liệu và bảo lưu, tái khẳng định kịp thời các yêu cầu tố tụng quan trọng nhằm “rào trước đón sau” các tình huống có thể phát sinh, qua đó bảo đảm rằng các quyền và lợi ích hợp pháp của Khách hàng được bảo vệ một cách hiệu quả.

**2.3.2. Quyết định số 197/2025/QĐ-PQTT ngày 26/6/2025 (hủy phán quyết trọng tài)**

Công ty H3 (Bị đơn trong PQTT – Người yêu cầu hủy) và Công ty K (Nguyên đơn trong PQTT – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) ký kết thỏa thuận Hợp Đồng Dịch Vụ Tư Vấn Thiết Kế Ý Tưởng Và Thiết Kế Cơ Sở Cho Kiến Trúc, Kết Cấu Và Cơ Điện thuộc Dự Án A với giá dịch vụ trọn gói là 13.296.800.000 đồng. Công ty K đã khởi kiện Công ty H3 tại Trung tâm Trọng tài C để yêu cầu thanh toán của 02 đợt còn lại trị giá 1.772.007.274 đồng. Hội đồng trọng tài trong vụ việc này đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Tuy nhiên, sau đó Công ty H3 đã nộp đơn yêu cầu hủy PQTT với lý do trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

**a. Lập luận của Người yêu cầu**

Đối với vụ việc này, Công ty H3 đã cho rằng PQTT trái với các nguyên tắc của pháp luật Việt Nam bởi: (1) HĐTT đã chấp nhận các email có nguồn gốc và xuất xứ không rõ ràng, chưa được lập vi bằng làm chứng cứ, mặc dù Bị đơn không thừa nhận tính xác thực của các email này; và (2) đã yêu cầu triệu tập những người liên quan tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng. Tuy nhiên, yêu cầu này không được HĐTT xem xét, xử lý.

**b. Nhận định của Tòa án**

Hội đồng xét đơn trong vụ việc này đã đồng ý với các trình bày của Người yêu cầu, cụ thể:

- HĐTT đã sử dụng các email không có trong vi bằng mà Công ty K cung cấp để làm căn cứ giải quyết vụ việc và nhận định rằng đây là những tài liệu quan trọng để chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, các email không đáp ứng quy định về “chứng minh và chứng cứ theo BLTTDS và Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐTP về hướng dẫn thi hành một số quy định về “Chứng minh và chứng cứ” của BLTTDS. Đồng thời, các email này cũng không được Công ty H3 công nhận nhưng HĐTT vẫn dùng làm chứng cứ là chưa thỏa đáng, chưa đánh giá một cách khách quan, trung thực.
- Thêm vào đó, các email trên không trực tiếp gửi đến Công ty H3 mà gửi đến những cá nhân mà Công ty K cho rằng họ là nhân viên của Công ty H3. Trên cơ sở cho rằng các cá nhân này không phải là nhân viên của Công ty H3, Công ty H3 đã yêu cầu HĐTT triệu tập các cá nhân liên quan với tư cách người làm chứng nhằm làm rõ tư cách pháp lý, cũng như nguồn gốc, tính xác thực của các email nói trên. Tuy nhiên, HĐTT đã không xem xét, mặc nhiên chấp nhận các email có nguồn gốc và xuất xứ chưa được làm rõ làm căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty K là vi phạm nguyên tắc bình đẳng, khách quan, vô tư khi đánh giá và sử dụng chứng cứ trong vụ án.

**c. Bình luận**

Như đã đề cập ở trên, vụ việc này không chỉ dừng lại ở việc xem xét tính đúng đắn của chứng cứ dưới góc độ liệu đó có cấu thành vi phạm tố tụng trọng tài, vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam hay thậm chí là hành vi làm giả chứng cứ hay không. Quan trọng hơn, cần tiếp tục bàn luận một vấn đề pháp lý cốt lõi khác, đó là việc HĐTT không xem xét hoặc không giải quyết yêu cầu triệu tập người làm chứng trong quá trình tố tụng trọng tài thì nên được nhìn nhận là một vi phạm về thủ tục tố tụng, hay là một vi phạm các nguyên tắc cơ bản như bình đẳng, khách quan và bảo đảm quyền được phản bác chứng cứ của các bên.

Khi liên hệ với Quyết định số 233/2025/QĐ-PQTT ngày 29/7/2025 (không hủy PQTT), trong vụ việc này Hội đồng xét đơn chưa làm rõ rằng (1) đương sự có thực hiện việc khiếu nại về việc HĐTT không triệu tập người làm chứng theo yêu cầu; (2) Các Bên có ký Biên bản thể hiện rằng “*các bên không còn bất kỳ ý kiến, tài liệu nào để cung cấp và phiên họp này là phiên họp cuối cùng ...*” để có thể xem xét rằng đương sự có mất quyền phản đối hay không.

**KẾT LUẬN**

Qua phân tích hai quyết định nêu trên, có thể nhận thấy rằng cùng một căn cứ hủy PQTT là “trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”, cụ thể là vi phạm nguyên tắc bình đẳng, khách quan và vô tư trong việc đánh giá và sử dụng chứng cứ, nhưng cách tiếp cận và kết quả giải quyết của Tòa án lại có sự khác biệt đáng kể, phụ thuộc lớn vào bối cảnh tố tụng cụ thể và cách thức thực hiện.

Trong Quyết định số 233/2025/QĐ-PQTT, Tòa án thể hiện xu hướng thu hẹp phạm vi can thiệp, coi các vấn đề liên quan đến việc đánh giá chứng cứ và xác định vi phạm hợp đồng là vấn đề nội dung thuộc thẩm quyền của HĐTT, đồng thời áp dụng nguyên tắc “mất quyền phản đối” một cách chặt chẽ để bác yêu cầu hủy PQTT. Ngược lại, trong Quyết định số 197/2025/QĐ-PQTT, Tòa án lại mở rộng phạm vi xem xét, trực tiếp đánh giá cách HĐTT sử dụng các chứng cứ có nguồn gốc, xuất xứ chưa được làm rõ và việc không xem xét yêu cầu triệu tập người làm chứng, từ đó xác định có sự vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc cơ bản theo pháp luật Việt Nam và đồng ý yêu cầu hủy PQTT. Do đó, vấn đề đặt ra rằng liệu cách tiếp cận như vậy có bảo đảm sự công bằng và

nhất quán trong cách xét xử, áp dụng pháp luật của cơ quan tài phán, cũng như bảo vệ quyền tố tụng cơ bản của các bên?



## PHẦN 5.

# KIẾN NGHỊ



Cơ chế hủy PQTТ là công cụ giám sát cần thiết nhằm bảo đảm hoạt động trọng tài được thực hiện đúng khuôn khổ pháp luật. Mục tiêu của cơ chế này không phải để thu hẹp thẩm quyền của trọng tài, mà hướng đến nâng cao chất lượng xét xử và tăng cường sự hài hòa, thống nhất giữa cơ chế giải quyết tranh chấp bằng trọng tài và tòa án. Tuy nhiên, từ kết quả nghiên cứu và tổng hợp thực tiễn nêu trên, có thể thấy một số hạn chế vẫn còn tồn tại, cho thấy cần có sự hướng dẫn và hoàn thiện kịp thời từ cơ quan có thẩm quyền nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật và bảo đảm tính ổn định của cơ chế hủy PQTТ.

**Thứ nhất**, cần tiếp tục hoàn thiện và ban hành hướng dẫn pháp luật nhằm thống nhất cách hiểu và áp dụng đối với căn cứ “vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”. Cụ thể, có thể cân nhắc và ban hành các bộ tiêu chí sau:

- (i) Xây dựng Bộ tiêu chí hướng dẫn nhận diện “vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trọng tài”. Trong tố tụng nói chung (cả tòa án và trọng tài) đều có thể có thiếu sót, vi phạm. Tuy nhiên, chỉ những vi phạm nào nghiêm trọng mới là căn cứ để hủy phán quyết. Hiện nay, khái niệm này chưa có hướng dẫn cụ thể, dẫn đến việc các bên có thể lạm dụng đưa ra yêu cầu hủy với lý do rất rộng. Việc ban hành bộ tiêu chí hướng dẫn sẽ giúp thống nhất thực tiễn xét xử. Ngoài ra, việc này đặc biệt quan trọng để tránh lúng túng trong thực tiễn khi phân định giữa vi phạm thủ tục tố tụng trọng tài và vi phạm nguyên tắc cơ bản như bình đẳng, khách quan, vô tư trong quá trình đánh giá chứng cứ.
- (ii) Xây dựng Bộ tiêu chí hướng dẫn tránh “xét xử lại nội dung tranh chấp”, trong đó có thể đề cập những tình huống được coi là đi vào nội dung tranh chấp, nhằm bảo đảm cơ chế hủy PQTТ được áp dụng đúng mục đích, nhất quán và hạn chế nguy cơ “xét xử lại” tại tòa án.

**Thứ hai**, việc nâng cao năng lực chuyên môn và năng lực pháp lý của các Trung tâm trọng tài và đội ngũ trọng tài viên là vô cùng cần thiết. Thực tiễn cho thấy, không ít PQTТ bị hủy bắt nguồn từ cách diễn đạt thiếu chặt chẽ, đánh giá chứng cứ chưa bảo đảm tính hợp pháp, hoặc áp dụng pháp luật chưa chuẩn xác, dẫn đến vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam và vi phạm nghiêm trọng tố tụng trọng tài. Vì vậy, các Trung tâm trọng tài và các bên đương sự cần chú trọng lựa chọn trọng tài viên có trình độ chuyên môn vững vàng, kinh nghiệm thực tiễn sâu rộng, và khả năng vận dụng pháp luật linh hoạt nhưng chuẩn mực, đúng đắn.

**Thứ ba**, trong khi pháp luật của một số quốc gia quy định cụ thể về cơ chế hủy một phần PQTТ – tức chỉ hủy phần nội dung vi phạm mà không ảnh hưởng đến các phần còn lại hợp lệ – thì tại Việt Nam, vấn đề này vẫn chưa được quy định rõ ràng. Điều này dẫn đến thực tiễn phán quyết thường bị hủy toàn bộ chỉ vì một hoặc một số nội dung có sai sót, gây tổn kém đáng kể về thời gian, chi phí và nguồn lực cho các bên. Hệ quả là, để tiếp tục giải quyết tranh chấp, đương sự buộc phải thỏa thuận lại để đưa vụ việc ra trọng tài lần nữa hoặc khởi kiện ra tòa án, làm giảm hiệu quả và đi ngược lại mục tiêu nhanh chóng – chung thẩm vốn là ưu thế của phương thức trọng tài.

Do đó, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần bổ sung quy định cụ thể về cơ chế hủy một phần phán quyết trong LTTTМ. Theo hướng đó, nếu phán quyết gồm nhiều phần độc lập, và chỉ một phần bị vi phạm thuộc điểm đ khoản 2 Điều 68 LTTTМ trong khi các phần còn lại không vi phạm, thì không nên hủy toàn bộ, mà chỉ hủy phần bị vi phạm. Quy định này vừa bảo đảm tính hợp lý, tránh kéo dài tranh chấp không cần thiết và vừa bảo đảm sự hiệu quả của phương thức trọng tài.

**Thứ tư**, cần tăng cường hướng dẫn nghiệp vụ và chia sẻ kinh nghiệm giữa các tòa án có thẩm quyền xem xét hủy PQTТ. Hiện nay, thẩm quyền này chỉ được giao cho ba tòa án cấp tỉnh (Hà Nội, Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh), do đó việc thống nhất nhận thức và phương pháp đánh giá là đặc biệt cần thiết. Cơ quan có thẩm quyền nên thiết lập cơ chế tổng kết định kỳ, công bố chuyên đề, báo cáo thực tiễn hoặc án lệ liên quan nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong thực tiễn xét xử và hạn chế sự khác biệt trong cách áp dụng pháp luật giữa các địa phương. Đồng thời, điều này còn góp phần rút ngắn đáng kể thời gian giải

quyết, bởi trên thực tế, hiện nay thời gian tòa án xem xét đôi khi còn kéo dài hơn cả thời gian mà Hội đồng Trọng tài sử dụng để giải quyết vụ việc ban đầu.

Bên cạnh đó, việc tăng cường cơ chế hỗ trợ của tòa án đối với hoạt động trọng tài cũng vô cùng quan trọng nhằm kịp thời hỗ trợ thu thập chứng cứ, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, chia sẻ các kinh nghiệm xét xử và bảo vệ việc thi hành PQTT.



## PHẦN 6.

# PHỤ LỤC



**PHỤ LỤC 1. DANH SÁCH CÁC QUYẾT ĐỊNH XEM XÉT YÊU CẦU HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI**

1. Quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài số: 07/2024/QĐ-PQTT ngày 25/01/2024 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
2. Quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài số: 10/2024/QĐ-PQTT ngày 30/01/2024 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
3. Quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài số: 39/2024/QĐ-PQTT ngày 18/3/2024 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
4. Quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài số: 69/2024/QĐ-PQTT ngày 03/5/2024 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
5. Quyết định về yêu cầu hủy phán quyết trọng tài số: 97/2024/QĐ-PQTT ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
6. Quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài số: 108/2024/QĐ-PQTT ngày 14/6/2024 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
7. Quyết định về yêu cầu hủy phán quyết trọng tài số: 131/2024/QĐ-PQTT ngày 27/6/2024 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
8. Quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài số: 135/2024/QĐ-PQTT ngày 04/7/2024 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
9. Quyết định về việc yêu cầu hủy phán quyết trọng tài số: 178/2024/QĐ-PQTT ngày 08/8/2024 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
10. Quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài số: 190/2024/QĐ-PQTT ngày 19/8/2024 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
11. Quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài số: 223/2024/QĐ-PQTT ngày 29/8/2024 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
12. Quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài số: 224/2024/QĐ-PQTT ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
13. Quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài số: 275/2024/QĐ-PQTT ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
14. Quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài số: 03/2025/QĐST-KDTM ngày 07/01/2025 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
15. Quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài số: 04/2025/QĐST-KDTM ngày 07/01/2025 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
16. Quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài số: 08/2025/QĐST-KDTM ngày 09/01/2025 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
17. Quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài số: 13/2025/QĐST-KDTM ngày 14/01/2025 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
18. Quyết định về yêu cầu hủy phán quyết trọng tài số: 16/2025/QĐ-PQTT ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;

19. Quyết định về yêu cầu hủy phán quyết trọng tài số: 28/2025/QĐ-PQTT ngày 13/02/2025 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
20. Quyết định về yêu cầu hủy phán quyết trọng tài số: 35/2025/QĐ-PQTT ngày 26/02/2025 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
21. Quyết định về yêu cầu hủy phán quyết trọng tài số: 51/2025/QĐ-PQTT ngày 01/4/2025 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
22. Quyết định về yêu cầu hủy phán quyết trọng tài số: 56/2025/QĐ-PQTT ngày 11/4/2025 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
23. Quyết định về yêu cầu hủy phán quyết trọng tài số: 63/2025/QĐ-PQTT ngày 18/4/2025 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
24. Quyết định xét đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài số: 83/2025/QĐ-PQTT ngày 08/5/2025 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
25. Quyết định về yêu cầu hủy phán quyết trọng tài số: 84/2025/QĐ-PQTT ngày 08/5/2025 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
26. Quyết định xét đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài số: 95/2025/QĐ-PQTT ngày 08/5/2025 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
27. Quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài số: 121/2025/QĐST-KDTM ngày 19/6/2025 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
28. Quyết định về yêu cầu hủy phán quyết trọng tài số: 197/2025/QĐ-PQTT ngày 26/6/2025 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
29. Quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài số: 226/2025/QĐ-PQTT ngày 22/7/2025 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
30. Quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài số: 229/2025/QĐ-PQTT ngày 23/7/2025 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
31. Quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài số: 232/2025/QĐ-PQTT ngày 28/7/2025 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
32. Quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài số: 233/2025/QĐST-KDTM ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
33. Quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài số: 234/2025/QĐ-PQTT ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
34. Quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài số: 240/2025/QĐ-PQTT ngày 01/8/2025 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
35. Quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài số: 257/2025/QĐ-PQTT ngày 14/8/2025 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
36. Quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài số: 259/2025/QĐST-KDTM ngày 18/8/2025 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
37. Quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài số: 263/2025/QĐ-PQTT ngày 19/8/2025 của Tòa án



nhân dân TP. Hồ Chí Minh;

38. Quyết định về yêu cầu hủy phán quyết trọng tài số: 267/2025/QĐ-PQTT ngày 22/8/2025 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
39. Quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài số: 281/2025/QĐ-PQTT ngày 29/8/2025 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
40. Quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài số: 288/2025/QĐST-KDTM ngày 05/9/2025 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
41. Quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài số: 289/2025/QĐ-PQTT ngày 08/9/2025 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
42. Quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài số: 291/2025/QĐ-PQTT ngày 08/9/2025 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
43. Quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài số: 302/2025/QĐST-KDTM ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

**PHỤ LỤC 2. THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CÁC QUYẾT ĐỊNH CHẤP NHẬN HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI**

| STT | Lý do hủy chủ yếu                                                                                                                           | Số lượng |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1   | Không có thỏa thuận trọng tài hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu                                                                             | 1        |
| 2   | Thành phần Hội đồng trọng tài, thủ tục tổ tụng trọng tài không phù hợp với thỏa thuận của các bên hoặc trái với các quy định của LTTTM      | 1        |
| 3   | Tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài; trường hợp phán quyết có nội dung vượt quá thẩm quyền thì phần nội dung đó bị hủy | 1        |
| 4   | Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam                                                                  | 7        |

**PHỤ LỤC 3. THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CÁC QUYẾT ĐỊNH KHÔNG CHẤP NHẬN HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI**

| STT | Lý do không hủy chủ yếu                                                                  | Số lượng |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1   | Yêu cầu hủy là “nội dung tranh chấp”                                                     | 17       |
| 2   | Không chứng minh được “Phán quyết trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” | 15       |
| 3   | Không có căn cứ về việc Hội đồng trọng tài/Trọng tài viên thiếu khách quan               | 7        |
| 4   | Thỏa thuận trọng tài hợp lệ hoặc bên yêu cầu mất quyền phản đối/quyền yêu cầu hủy        | 11       |
| 5   | Thủ tục tổ tụng trọng tài được thực hiện đúng quy định                                   | 11       |
| 6   | Không có căn cứ về việc Hội đồng trọng tài vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện            | ≈ 2-3    |



## PHẦN 7.

# VỀ CHÚNG TÔI



# Dentons Luật Việt

## Tại sao khách hàng tin chọn Dentons Luật Việt?

### TẦM VÓC TOÀN CẦU, AM HIỂU ĐỊA PHƯƠNG

Dentons Luật Việt là thành viên tại Việt Nam của Dentons – hãng luật lớn nhất thế giới. Với đội ngũ gần 60 luật sư và chuyên gia pháp lý tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, chúng tôi cung cấp các giải pháp pháp lý và kinh doanh toàn diện, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng cả trong nước và quốc tế thông qua mạng lưới toàn cầu rộng khắp của Dentons.



### DẪN DẮT BỞI ĐỘI NGŨ LUẬT SƯ BIẾT THẤU HIỂU

Chúng tôi lấy chất lượng dịch vụ làm thước đo cho sự thành công. Dù nhu cầu kinh doanh của bạn ở quy mô nào, bạn luôn nhận được sự quan tâm tận tâm và xứng đáng nhất. Với chúng tôi, dù vụ việc lớn hay nhỏ, chỉ cần điều đó quan trọng với bạn, đó cũng chính là ưu tiên hàng đầu của chúng tôi.



### NỖ LỰC VÌ NHỮNG GIẢI PHÁP THIẾT THỰC

Tầm nhìn của chúng tôi là trở thành hãng luật của tương lai – ngay tại thời điểm hiện tại. Chúng tôi luôn không ngừng đổi mới mô hình kinh doanh pháp lý, tận dụng công nghệ mới và các phương pháp quản trị nhân lực để phục vụ khách hàng tốt hơn.



### GẮN KẾT CÙNG CỘNG ĐỒNG

Là thành viên của hãng luật toàn cầu Dentons, chúng tôi sẵn sàng đồng hành cùng bạn tại bất kỳ đâu mà hoạt động kinh doanh của bạn hướng đến. Bằng sự am hiểu sâu sắc về luật pháp, ngôn ngữ và văn hóa kinh doanh tại từng quốc gia đang hoạt động, chúng tôi mang đến cho bạn chuyên môn địa phương vững chắc cùng tầm nhìn toàn cầu sâu rộng.



### NHỮNG CON SỐ ẤN TƯỢNG VỀ VIỆT NAM

Dân số:

**102,937 triệu người**

(Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế – IMF)

GDP năm 2024:

**459,5 tỷ USD**

(Statista .com)

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) năm 2025:

**27,62 tỷ USD**

(Theo Trading Economics)

**Top 15** nền kinh tế thương mại hàng đầu thế giới

(Theo Bộ Công Thương Việt Nam)

Nằm trong khu vực kinh tế

**lớn thứ 4 thế giới**

(Theo asean.org)

**“Đội ngũ luật sư không chỉ chú trọng vào các khía cạnh pháp lý thuần túy mà còn hướng đến việc đạt được những kết quả khả thi về mặt thương mại.”**

—Chambers and Partners

# DENTONS LUẬT VIỆT



## Lĩnh vực chuyên môn

Với vị thế là một hãng luật quốc tế am hiểu sâu sắc thị trường địa phương, chúng tôi thường xuyên đại diện cho nhóm khách hàng đa dạng trong nhiều lĩnh vực khác nhau, tập trung vào các mảng chuyên môn sau:

- Trọng tài, Tố tụng và Giải quyết tranh chấp
- Mua bán và Sáp nhập (M&A)
- Doanh nghiệp
- Thị trường Vốn và Bảo hiểm
- Tài chính và Ngân hàng
- Cạnh tranh và Chống độc quyền
- Lao động và Việc làm
- Năng lượng
- Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên
- Hạ tầng và Hợp tác Công tư (PPP)
- Sở hữu Trí tuệ và Công nghệ
- Bảo mật thông tin và An ninh mạng
- Bất động sản và Xây dựng
- Tái cấu trúc và Phá sản
- Thuế
- Hàng không
- Thương mại, Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và Hải quan



## Xếp hạng chuyên môn

- *Asia Business Law Journal 2025*: 3 Luật sư được vinh danh trong danh sách 100 Luật sư hàng đầu Việt Nam
- *Asia Business Law Journal 2024*: Giải thưởng Hãng luật của năm tại Việt Nam – 8 lĩnh vực chuyên môn được xếp hạng
- *Asialaw Profiles 2025*: 6 lĩnh vực chuyên môn và 2 lĩnh vực ngành nghề được xếp hạng
- *Benchmark Litigation Asia-Pacific 2025*: 3 lĩnh vực chuyên môn và 1 Luật sư được xếp hạng
- *Chambers Asia-Pacific 2025*: 2 lĩnh vực chuyên môn và 1 Luật sư được xếp hạng
- *IFLR1000 (Ấn bản mới nhất)*: 1 lĩnh vực chuyên môn và 1 Luật sư được xếp hạng
- *ITR World Tax 2026*: 2 lĩnh vực chuyên môn và 2 Luật sư được xếp hạng
- *The Legal 500 Asia-Pacific 2025*: 3 lĩnh vực chuyên môn và 1 Luật sư được xếp hạng



## Giải thưởng tiêu biểu

- *Asian Legal Business*: Top 50 Luật sư tranh tụng xuất sắc nhất Châu Á 2025 – Luật sư Trần Duy Cảnh
- *Asian Legal Business*: Môi trường làm việc lý tưởng năm 2025
- *Asian Legal Business*: Top 50 Luật sư lĩnh vực TMT (Công nghệ, Truyền thông & Viễn thông) xuất sắc nhất Châu Á 2025 – Luật sư Bùi Thị Việt Hà
- *Asian Legal Business*: Bảng xếp hạng M&A 2024 – Thứ hạng tiêu biểu
- *Asian Legal Business*: Top 10 Hãng luật lớn nhất Việt Nam năm 2024
- *Asialaw Awards 2024*: Giải thưởng do Ban biên tập bình chọn – Thương vụ và Vụ việc tiêu biểu của năm: Thương vụ Tập đoàn Y khoa Thomson thu tóm FV Hospital (Thương vụ lớn nhất ngành chăm sóc sức khỏe tại Đông Nam Á)
- *Báo Đầu tư (Vietnam Investment Review)*: Cố vấn M&A tiêu biểu tại Việt Nam giai đoạn 2023 – 2024

## Liên hệ

### Văn phòng TP. Hồ Chí Minh

Suite 2002, Tầng 20, Centec Tower 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Xuân Hòa, TP. HCM, Việt Nam



#### Trần Duy Cảnh

Luật sư Điều hành

Tel: +84 (28) 3824 8440

Fax: +84 (28) 3824 8441

[canh.tran@dentons.com](mailto:canh.tran@dentons.com)

### Văn phòng Hà Nội

Phòng 03-06, Tầng 3, Pan Pacific Hà Nội, 01 Thanh Niên, Phường Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam



#### Trần Thị Ngọc Linh

Luật sư Thành viên Cao cấp

Tel: +84 (24) 3715 4305

Fax: +84 (24) 3715 4306

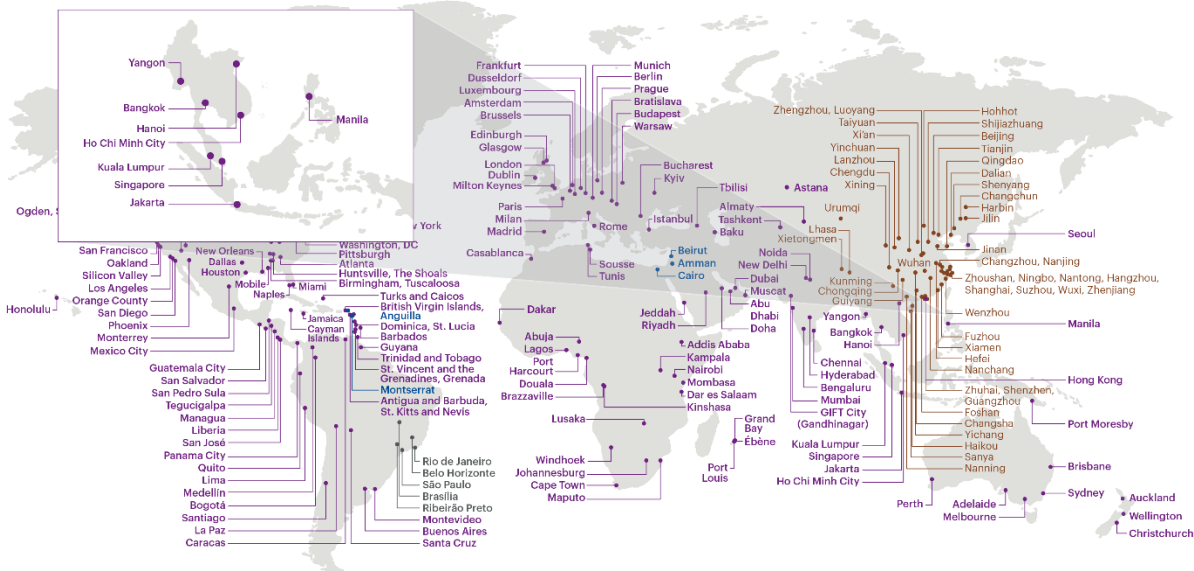
[linh.tran@dentons.com](mailto:linh.tran@dentons.com)



## Dentons ASEAN

Khu vực Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã phát triển trở thành một trong những trung tâm kinh tế năng động nhất thế giới kể từ khi thành lập hơn 50 năm trước. Tại Dentons ASEAN, chúng tôi thấu hiểu những thách thức mà khách hàng phải đối mặt khi kinh doanh trong khu vực. Với sự đa dạng về văn hóa, sắc tộc, ngôn ngữ, tôn giáo và lịch sử chính trị của 11 quốc gia thành viên, khối ASEAN đòi hỏi sự am hiểu sâu sắc và thích ứng linh hoạt.

## DENTONS



Locations in purple represent Dentons offices.  
 Locations in blue represent associate firms, offices, jurisdictions of practice from other  
 Dentons' offices or special alliances as required by law or regulation.  
 Locations in gray represent Brazil Strategic Alliance.  
 大成 is Dentons' preferred law firm in China.

February 2026

Dentons tự hào với bề dày lịch sử hoạt động tại các quốc gia ASEAN như Indonesia, Malaysia, Myanmar, Việt Nam, Philippines, Singapore và Thái Lan. Trải qua hơn 160 năm phát triển từ năm 1861, Dentons đã xây dựng đội ngũ luật sư có kinh nghiệm và chuyên môn cao tại từng quốc gia, sẵn sàng đồng hành cùng khách hàng trong mọi chặng đường. Với sự hiểu biết sâu rộng về thị trường và văn hóa bản địa, chúng tôi cam kết cung cấp các dịch vụ pháp lý phù hợp với từng quốc gia, đáp ứng nhu cầu kinh doanh đa dạng của khách hàng. Dentons tự hào là đối tác đáng tin cậy, giúp khách hàng vượt qua những thách thức pháp lý phức tạp nhất, từ tư vấn khi tiếp cận thị trường mới đến hỗ trợ giải quyết tranh chấp hiệu quả.